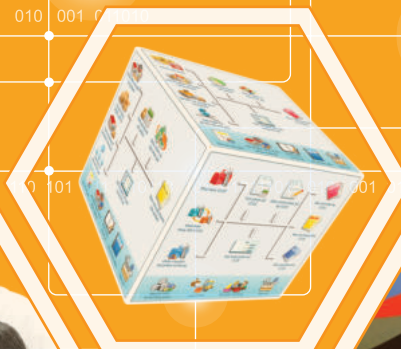


# Fast Accounting

Chuyên sâu về quản trị & tính giá thành

Phần mềm kế toán cho doanh nghiệp vừa và nhỏ



# GIỚI THIỆU CÔNG TY

|                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên công ty         | Công ty Cổ phần Phần mềm Quản lý Doanh nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Tên tiếng Anh       | Fast Software Company                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Tên giao dịch       | FAST                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Ngày thành lập      | 11 tháng 6 năm 1997                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Đội ngũ             | <b>500</b> nhân viên tại Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Lĩnh vực hoạt động  | Phát triển, tư vấn và triển khai ứng dụng CNTT quản trị hoạt động và điều hành doanh nghiệp trên nền tảng CNTT.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Giải pháp, sản phẩm | <ul style="list-style-type: none"><li>• Giải pháp cho các doanh nghiệp vừa và lớn: <b>Fast Business Online (ERP), Fast DMS Online, Fast CRM Online, Fast HRM Online</b></li><li>• Phần mềm kế toán cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ: <b>Fast Accounting, Fast Accounting Online</b></li><li>• Giải pháp hóa đơn điện tử <b>Fast e-Invoice</b></li><li>• Phần mềm kế toán dành cho đào tạo: <b>Fast Accounting Online for Education</b></li><li>• Lập trình chỉnh sửa theo yêu cầu đặc thù.</li></ul> |
| Mục tiêu            | Là “Đối tác lâu dài, tin cậy” của khách hàng, nhân viên, cổ đông, các đối tác và cộng đồng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Phương châm         | Nhanh hơn – Thông minh hơn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Thành tích          | <b>11</b> giải thưởng Sao Khuê của Hiệp hội Phần mềm Việt Nam VINASA<br><b>2</b> giải BIT Cup cho Giải pháp Phần mềm Tốt nhất do người dùng bình chọn<br><b>18</b> huy chương vàng, bạc, bằng khen, giải thưởng CNTT của các cơ quan chức năng, hiệp hội ngành nghề và tại các triển lãm tin học<br>TOP <b>5</b> đơn vị phần mềm<br>Giải thưởng “Nhân tài Đất Việt” do Báo điện tử Dân trí, tập đoàn VNPT và Đài truyền hình Việt Nam trao tặng.                                                    |
| Khách hàng          | Hơn <b>34.000</b> khách hàng trên toàn quốc.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Trụ sở              | Hà Nội - Đà Nẵng - TP Hồ Chí Minh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Tổng đài            | <b>1900-2130</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Email               | <b>info@fast.com.vn</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Website             | <b>www.fast.com.vn</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

(Số liệu báo cáo tính đến ngày 31-12-2020)

# THƯ GIỚI THIỆU

**Kính gửi:** Ban Giám đốc Công ty  
Ông/Bà Kế toán trưởng  
Ông/Bà phụ trách tin học

**FAST** là công ty chuyên sâu về phát triển và cung cấp các phần mềm, giải pháp quản trị tác nghiệp và điều hành doanh nghiệp trên nền tảng công nghệ thông tin. Các phần mềm, giải pháp này sẽ giúp tự động hóa công các công việc thủ công nhằm chán, hỗ trợ làm việc sáng tạo, thông minh, giúp cho doanh nghiệp đạt được lợi thế cạnh tranh trên thị trường nhờ tốc độ, thông tin và khả năng khai thác thông tin.

**FAST** phát triển và cung cấp các giải pháp khác nhau về quy mô và yêu cầu:

Giải pháp cho các doanh nghiệp vừa và lớn:

- **Fast Business Online** – Giải pháp quản trị toàn diện doanh nghiệp (ERP)
- **Fast DMS Online** – Phần mềm quản lý hệ thống phân phối
- **Fast CRM Online** – Phần mềm quản lý quan hệ khách hàng
- **Fast HRM Online** – Phần mềm quản lý nhân sự - chấm công – tính lương.

Giải pháp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ:

- **Fast Accounting** – Phần mềm kế toán cho doanh nghiệp vừa và nhỏ
- **Fast Accounting Online** – Phần mềm kế toán trên nền điện toán đám mây.

Giải pháp hóa đơn điện tử:

- **Fast e-Invoice** – Giải pháp cho hóa đơn điện tử.

Giải pháp cho đào tạo:

- **Fast Accounting Online for Education** – Phần mềm kế toán trên nền điện toán đám mây dành cho đào tạo.

Về dịch vụ, **FAST** cung cấp các dịch vụ sau:

- Tư vấn lựa chọn giải pháp
- Khảo sát, phân tích yêu cầu và thiết kế sản phẩm
- Lập trình chỉnh sửa theo yêu cầu đặc thù
- Cài đặt, đào tạo, chuyển đổi số liệu và triển khai sử dụng
- Bảo hành, bảo trì và hỗ trợ sử dụng
- Nâng cấp sản phẩm, mở rộng ứng dụng.

Quý Công ty có thể lựa chọn giải pháp phù hợp với quy mô và yêu cầu hiện tại và nâng cấp, chuyển lên giải pháp cao hơn khi doanh nghiệp phát triển và mở rộng.

Trong tài liệu này chúng tôi xin giới thiệu đến Quý Công ty về **Fast Accounting** – phần mềm kế toán cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Điểm nổi bật, khác biệt của **Fast Accounting** đó là chuyên sâu về quản trị và tính giá thành. Fast Accounting vinh dự được nhận giải thưởng BITCup (Best Software Solution – Giải pháp phần mềm tốt nhất) của tạp chí vi tính PC World Việt Nam, giải thưởng Sao Khuê cho “Phần mềm tiêu biểu” của Hiệp hội phần mềm Việt Nam (VINASA) trao tặng.

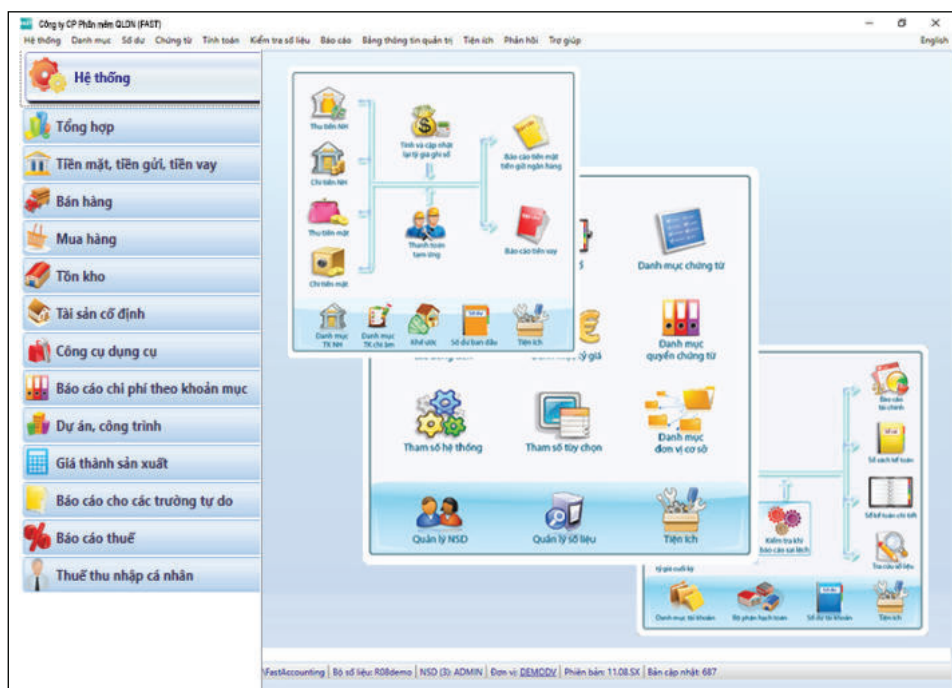
Quý Công ty có thể tham khảo thêm thông tin về **FAST** và các sản phẩm, dịch vụ của **FAST**, chi tiết hơn về sản phẩm **Fast Accounting** trên trang web [www.fast.com.vn](http://www.fast.com.vn).

**Trân trọng!**  
Công ty FAST.

# TỔNG QUAN VỀ FAST ACCOUNTING

Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ

Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có trên 18.500 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như Sao Khuê, BITCup, sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...



Fast Accounting có 4 phiên bản tương ứng với các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất.

Fast Accounting được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet.

| Phân hệ                                                           | Dịch vụ | Thương mại | Xây lắp | Sản xuất |
|-------------------------------------------------------------------|---------|------------|---------|----------|
| 1. Hệ thống                                                       | X       | X          | X       | X        |
| 2. Kế toán tổng hợp                                               | X       | X          | X       | X        |
| 3. Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay                           | X       | X          | X       | X        |
| 4. Kế toán bán hàng và công nợ phải thu (kết nối hóa đơn điện tử) | X       | X          | X       | X        |
| 5. Kế toán mua hàng và công nợ phải trả                           | X       | X          | X       | X        |
| 6. Kế toán hàng tồn kho                                           | —       | X          | X       | X        |
| 7. Kế toán TSCĐ                                                   | X       | X          | X       | X        |
| 8. Kế toán CCDC                                                   | X       | X          | X       | X        |
| 9. Báo cáo chi phí theo khoản mục                                 | X       | X          | X       | X        |
| 10. Kế toán giá thành dự án, công trình xây lắp                   | X       | X          | X       | X        |
| 11. Kế toán giá thành sản xuất                                    | —       | —          | —       | X        |
| 12. Báo cáo thuế                                                  | X       | X          | X       | X        |
| 13. Báo cáo quản trị các trường do người sử dụng tự định nghĩa    | X       | X          | X       | X        |
| 14. Thuế thu nhập cá nhân.                                        | X       | X          | X       | X        |



## Menu các chức năng



## Các tính năng chính

- Khai báo ngày bắt đầu của năm tài chính, có thể là ngày bất kỳ trong năm
- Khai báo kỳ bắt đầu nhập liệu vào phần mềm (kỳ mở sổ)
- Khai báo danh mục các loại tiền sử dụng
- Khai báo danh mục các đơn vị cơ sở (các công ty con, các chi nhánh...), cho phép quản lý số liệu riêng của từng đơn vị cấp dưới cũng như tổng hợp số liệu của toàn doanh nghiệp
- Khai báo các tham số hệ thống dùng chung cho toàn bộ phần mềm như mã đồng tiền hạch toán, hình thức sổ sách kế toán sử dụng...
- Khai báo các thông tin liên quan đến các màn hình cập nhật các giao dịch/các chứng từ như ẩn/hiện các trường, các thông tin ngầm định
- Khai báo các thông tin liên quan đến các quyền chứng từ, dùng để đánh số các chứng từ cùng loại có thể được nhập từ các màn hình giao dịch khác nhau
- Khai báo các thông tin tùy chọn giúp người sử dụng làm việc với phần mềm được thuận tiện hơn.

## Quản lý người sử dụng

- Khai báo danh sách những người sử dụng phần mềm, quy định và chính sách về mật khẩu, mật khẩu truy cập, phân quyền truy cập các menu, phân quyền thực hiện các chức năng như tạo mới, xem, sửa, xóa, in...
- Phân quyền người sử dụng theo đơn vị cơ sở.
- Xem các máy đang chạy chương trình, thống kê về sử dụng chương trình của từng người sử dụng.

## Quản lý số liệu

- Lưu trữ (back-up) số liệu: chương trình sẽ tự động lưu trữ theo lịch do người sử dụng khai báo, lưu trữ thành nhiều bản cho từng lần lưu trữ.
- Khóa số liệu: chương trình chỉ cho nhập mới, chỉnh sửa các số liệu phát sinh sau ngày đã khóa. Có thể khóa cho toàn bộ hệ thống hoặc khóa riêng cho từng màn hình giao dịch
- Bảo trì số liệu: xóa các bản ghi không hợp lệ, có thể do import số liệu, chuyển đổi số liệu từ phần mềm cũ; tối ưu việc lưu trữ và dung lượng lưu trữ dữ liệu (shrink database)
- Kiểm tra các tệp số liệu, loại bỏ những bản ghi không đồng bộ giữa các tệp số liệu, có thể do mất điện, rớt mạng đột ngột khi lưu số liệu, virus, lỗi ổ cứng...
- Sao chép số liệu vào ra (import/export), có thể sử dụng khi chuyển số liệu từ các đơn vị về văn phòng công ty...



Trong phân hệ “Kế toán Tổng hợp” người sử dụng có thể cập nhật các phiếu kế toán tổng quát, các bút toán điều chỉnh, các bút toán định kỳ, các bút toán phân bổ cuối kỳ, thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ và thực hiện các bút toán kết chuyển cuối kỳ. Phân hệ kế toán tổng hợp thực hiện tổng hợp số liệu từ tất cả các phân hệ khác, lên các báo cáo tài chính và sổ sách kế toán theo quy định của Bộ tài chính và theo các mẫu đặc thù do người sử dụng khai báo phục vụ quản trị nội bộ.

Phiếu kế toán

Bút toán phân bổ cuối kỳ

Bút toán kết chuyển cuối kỳ

Chứng lệch tỷ giá cuối kỳ

Kiểm tra khi báo cáo sai lệch

Báo cáo tài chính

Sổ cái

Sổ sách kế toán

Sổ kế toán chi tiết

Tra cứu số liệu

Danh mục tài khoản

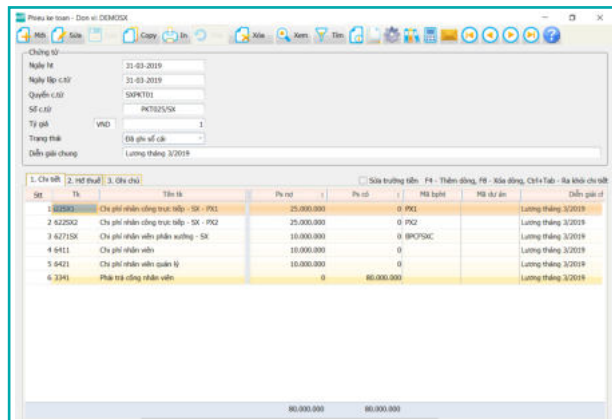
Bộ phận hạch toán

Số dư tài khoản

Tiện ích

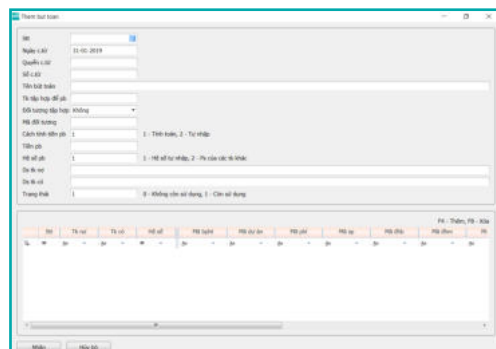
- Mã tài khoản có độ dài tới 16 ký tự
- Khai báo các thông tin liên quan đến từng tài khoản như tài khoản mẹ, loại tài khoản, có theo dõi công nợ hay không, một số trường đi kèm phải nhập và các mã ngầm định
- Chương trình cho phép thực hiện việc đổi, ghép mã tài khoản.

- Cập nhật các phát sinh không được cập nhật ở các phân hệ nghiệp vụ khác tại màn hình phiếu kế toán
- Có thể nhập trên 1 phiếu kế toán nhiều nhóm định khoản 1 nợ/nhiều có hoặc nhiều nợ/1 có và thực hiện kiểm soát cân đối tổng phát sinh nợ bằng tổng phát sinh có của từng nhóm định khoản
- Khi nhập các chứng từ giống nhau (ví dụ các bút toán định kỳ) chương trình có tiện ích cho phép sao chép thông tin từ một chứng từ cũ sang một chứng từ mới.



## Xử lý số liệu cuối kỳ

- Người sử dụng khai báo các bút toán cuối kỳ: cách thức tính toán, hạch toán nợ có... Dựa vào khai báo chương trình sẽ thực hiện tập hợp số liệu, tính toán và tạo các bút toán
- Các bút toán phân bổ định kỳ: khai báo bút toán, hạch toán nợ có, số tiền, số kỳ phân bổ... Chương trình sẽ thực hiện phân bổ định kỳ theo thông tin khai báo
- Bút toán phân bổ cuối kỳ: có thể khai báo tập hợp theo tài khoản và một đối tượng như bộ phận hạch toán, dự án... đối tượng nhận phân bổ là các tài khoản và các đối tượng như bộ phận hạch toán, dự án, đơn hàng... Đối với các trường hợp phân bổ phức tạp liên quan đến bài toán tính giá thành sản xuất, giá thành dự án, xây lắp thì thực hiện tại các phân hệ tương nghiệp vụ tương ứng.



- Bút toán kết chuyển cuối kỳ: khai báo tài khoản tập hợp số liệu để kết chuyển đi và tài khoản nhận số liệu kết chuyển đến. Có thể kết chuyển chi tiết theo nhiều đối tượng khác nhau như bộ phận hạch toán, dự án, mã phí...

- Bút toán đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ: khai báo và thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ đối với các tài khoản có gốc ngoại tệ. Đối với các tài khoản có theo dõi chi tiết công nợ thì sẽ đánh giá chênh lệch cho từng đối tượng công nợ.

## Sổ sách kế toán

- Lên đầy đủ các sổ kế toán theo quy định. Luôn được cập nhật theo quy định mới nhất của Bộ tài chính
- Cho phép chọn in ấn sổ sách theo hình thức nhật ký chung hoặc chứng từ ghi sổ
- Lên các sổ kế toán chi tiết theo quy định.

## Bảng thông tin quản trị

- Bảng thông tin quản trị cung cấp các thông tin quản trị một cách nhanh chóng dựa trên gần 20 báo cáo quản trị thường dùng. Người sử dụng cũng có thể khai báo thêm các báo cáo theo yêu cầu riêng. Mỗi khi thay đổi báo cáo lựa chọn, khoảng thời gian báo cáo hoặc đơn vị báo cáo thì chương trình đưa ngay ra kết quả, cung cấp thông tin tức thời cho các cán bộ quản lý.

## Tra cứu số liệu

- Chương trình cung cấp một loạt báo cáo cho phép tra cứu số liệu của toàn bộ hệ thống một cách nhanh chóng, tiện lợi. Có những báo cáo cho phép người sử dụng chọn các trường số liệu muốn xem và lưu lại mẫu này để sử dụng cho các lần tiếp theo. Có thể lưu nhiều báo cáo như vậy.

## Các tiện ích

- Nhập (import) số dư ban đầu của các tài khoản từ excel
- Nhập (import) chứng từ từ excel
- Đánh lại các sổ chứng từ đã phát sinh
- Kiểm tra số liệu: Khi bảng cân đối kế toán không cân, bảng cân đối phát sinh tài khoản bị sai lệch thì chương trình có chức năng kiểm tra một loạt các nguyên nhân dẫn đến các sai lệch này, đưa ra các giao dịch gây lỗi, hoặc các khai báo chưa đúng... giúp người sử dụng có thể chỉnh sửa để lên báo cáo đúng.

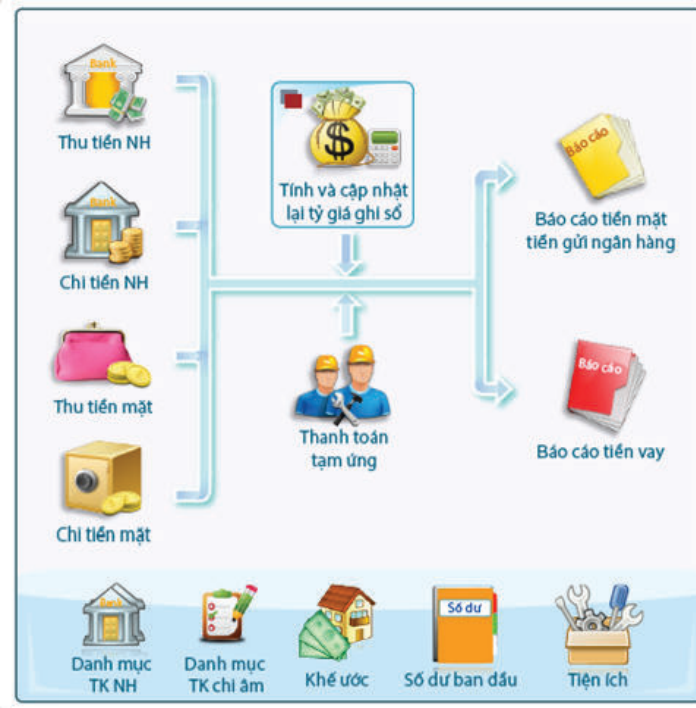
## Báo cáo tài chính

- Lên đầy đủ các báo cáo tài chính theo quy định
- Có thể kết xuất số liệu trên các báo cáo tài chính ra tệp và đưa lên phần mềm hỗ trợ kê khai thuế của Tổng Cục thuế
- Người sử dụng có thể tự khai báo các mẫu báo cáo tài chính theo yêu cầu, khai báo các chỉ tiêu, công thức tính toán của các chỉ tiêu
- Có các báo cáo tài chính cho nhiều kỳ, báo cáo tài chính chi tiết theo các đơn vị cơ sở (công ty thành viên), bộ phận hạch toán.

# KẾ TOÁN TIỀN MẶT, TIỀN GỬI, TIỀN VAY

Phần hệ “Kế toán Tiền mặt, Tiền gửi, Tiền vay” thực hiện các giao dịch thu chi, thanh toán, giúp người sử dụng quản lý chặt chẽ, chi tiết việc thu chi theo đúng đối tượng, đúng chứng từ - hóa đơn, hợp đồng, dự án, đơn hàng, kế ước vay...

## Menu các chức năng



## Thực hiện các giao dịch thu chi

- Thực hiện thanh toán với sự chỉ rõ chi tiết đến hóa đơn, hợp đồng, đơn hàng, dự án, kế ước, bộ phận hạch toán...
- Thực hiện thu chi liên quan đến 1 hoặc nhiều đối tượng - khách hàng, nhà cung cấp, nhân viên... trên cùng 1 chứng từ
- Trong trường hợp chi thanh toán thẳng cho các chi phí (không qua công nợ) chương trình có các tiện ích liên quan đến tính thuế GTGT (giá đã bao gồm thuế và giá chưa bao gồm thuế) cũng như nhập các thông tin liên quan đến hóa đơn thuế GTGT đầu vào
- Đối với các phát sinh ngoại tệ cho phép quản lý và hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ. Chương trình tự động tính toán tỷ giá ghi sổ. Cho phép người sử dụng chỉnh sửa khi quy đổi ra đồng tiền hạch toán bị lẻ
- Kiểm soát chi âm quỹ với các lựa chọn: không cho chi, chỉ cảnh báo, không có cảnh báo
- Có thể in từ chương trình phiếu thu, phiếu chi, UNC theo mẫu đặc thù, người dùng có thể chỉnh sửa
- Nhiều UNC theo mẫu sẵn có của các ngân hàng.



Thu tiền NH - Đơn vị: DEMOSX

Mũi Sửa Lưu Copy In Quay Xóa Xem Tìm

**Thông tin chung**

Mã gd: 1 Thu tiền chi tiết theo hoá đơn

Mã khách: SXKH02 Khách hàng SXKH02

Địa chỉ: Địa chỉ khách hàng SXKH02 MST:

Người nộp tiền: Số dư: 458.935.000

Diễn giải chung: Thu tiền bán hàng của hóa đơn 0000003 ngày 28-02-2019

Tk nợ: 1121SX1 TK ngân hàng 1 - SX

**Chứng từ**

Ngày ht: 28-02-2019

Ngày lập c.từ: 28-02-2019

Quyển c.từ: SXBC01

Số c.từ: BC004/SX1

TGGD: VND 1

Trạng thái: Đã ghi sổ cái

☐ Sửa tggs ☐ Sửa trường tiền F4 - Thêm dòng, F8 - Xóa dòng, Ctrl+Tab - Ra khỏi chi tiết

| Stt | Số hđ   | Ngày hđ    | Tk có  | Tiền phải thu | Tiền đã thu | Tiền còn phải thu | Tiền tt     | Tiền còn phải thu 2 |
|-----|---------|------------|--------|---------------|-------------|-------------------|-------------|---------------------|
| 1   | 0000003 | 28-02-2019 | 131111 | 356.950.000   | 0           | 356.950.000       | 300.000.000 | 56.950.000          |
|     |         |            |        | 356.950.000   | 0           | 356.950.000       | 300.000.000 | 56.950.000          |

Tổng cộng: Tổng tiền: 300.000.000

## Các tiện ích

- Nhập (import) danh mục, số dư và chứng từ từ file excel.

## Các báo cáo

- Có các nhóm báo cáo sau:
  - Các báo cáo tiền mặt
  - Các báo cáo tiền gửi ngân hàng
  - Các báo cáo tiền vay.
- Mỗi nhóm báo cáo gồm nhiều báo cáo chi tiết, tổng hợp khác nhau.

CÔNG TY SẢN XUẤT  
29 ĐƯỜNG 18, THỦ ĐỨC, TP HCM  
Mã số thuế: 0100727825

Mẫu số: S08 - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỐ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**  
NƠI MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH:  
SỐ HIỆU TÀI KHOẢN TẠI NƠI GỬI:  
TÀI KHOẢN: 1121 - TIỀN VND GỬI NGÂN HÀNG  
TỪ NGÀY: 01-02-2020 ĐẾN NGÀY: 29-02-2020

SỐ TỶ LỆ: 3.680.120.000

| NGÀY, THÁNG, GHI SỐ         | CHỨNG TỪ   |             | DIỄN GIẢI                                                                                      | TK Đ/ƯNG | SỐ TIỀN       |              |               | GHI CHÚ |
|-----------------------------|------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------|--------------|---------------|---------|
|                             | SỐ HIỆU    | NGÀY, THÁNG |                                                                                                |          | THU (GỬI VÀO) | CHI (RÚT RA) | CÒN LẠI       |         |
| A                           | B          | C           | D                                                                                              | E        | 1             | 2            | 3             | F       |
| 02-02-2020                  | UNC010/SX2 | 02-02-2020  | Thanh toán tiền lương tháng 1/2020                                                             | 3341     |               | 76.550.000   | 3.603.570.000 |         |
| 02-02-2020                  | UNC011/SX2 | 02-02-2020  | Chuyển nộp tiền BHYT tháng 1/2020                                                              | 3383     |               | 7.650.000    | 3.595.920.000 |         |
| 02-02-2020                  | UNC011/SX2 | 02-02-2020  | Chuyển nộp tiền BHYT tháng 1/2020                                                              | 3384     |               | 1.350.000    | 3.594.570.000 |         |
| 02-02-2020                  | UNC011/SX2 | 02-02-2020  | Chuyển nộp tiền BHYT tháng 1/2020                                                              | 3386     |               | 600.000      | 3.593.970.000 |         |
| 02-02-2020                  | UNC012/SX2 | 02-02-2020  | Chuyển nộp tiền KPCB và đoàn phí cho Công đoàn cấp trên tháng 1/2020 (35% KPCB + 40% đoàn phí) | 3382     |               | 330.000      | 3.593.640.000 |         |
| 03-02-2020                  | UNC013/SX2 | 03-02-2020  | Chi thanh toán tiền điện tháng 1/2020                                                          | 6277     |               | 2.800.000    | 3.590.840.000 |         |
| 03-02-2020                  | UNC013/SX2 | 03-02-2020  | Chi thanh toán tiền điện tháng 1/2020                                                          | 6417     |               | 700.000      | 3.590.140.000 |         |
| 03-02-2020                  | UNC013/SX2 | 03-02-2020  | Chi thanh toán tiền điện tháng 1/2020                                                          | 6427     |               | 500.000      | 3.589.640.000 |         |
| 03-02-2020                  | UNC013/SX2 | 03-02-2020  | Chi thanh toán tiền điện tháng 1/2020                                                          | 133111   |               | 400.000      | 3.589.240.000 |         |
| 03-02-2020                  | UNC014/SX2 | 03-02-2020  | Chi thanh toán tiền điện thoại tháng 1/2020                                                    | 6277     |               | 500.000      | 3.588.740.000 |         |
| 03-02-2020                  | UNC014/SX2 | 03-02-2020  | Chi thanh toán tiền điện thoại tháng 1/2020                                                    | 6417     |               | 400.000      | 3.588.340.000 |         |
| 03-02-2020                  | UNC014/SX2 | 03-02-2020  | Chi thanh toán tiền điện thoại tháng 1/2020                                                    | 6427     |               | 800.000      | 3.587.540.000 |         |
| 03-02-2020                  | UNC014/SX2 | 03-02-2020  | Chi thanh toán tiền điện thoại tháng 1/2020                                                    | 133111   |               | 170.000      | 3.587.370.000 |         |
| CỘNG CHUYỂN SANG TRANG SAU: |            |             |                                                                                                |          | 0             | 92.750.000   |               |         |

Trang 1/2, 17-11-2020, 13:53:18

# KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI THU

Phân hệ “Kế toán Bán hàng và Công nợ Phải thu” theo dõi chu trình bán hàng từ bước lập đơn hàng đến xuất hàng, phát hành hóa đơn và thu tiền, giúp cho việc tiếp nhận đơn hàng đầy đủ, giao hàng đúng hạn và thu tiền kịp thời. Cung cấp các báo cáo bán hàng đa dạng, hỗ trợ phân tích bán hàng như nhóm hàng bán chạy, mặt hàng lãi cao, các khách hàng thường xuyên, khách hàng thanh toán đúng hạn... từ đó đưa ra phương án bán hàng tốt hơn, tăng doanh thu, tăng lợi nhuận.

## Menu các chức năng



## Danh mục khách hàng

- Mã khách hàng lên tới 16 ký tự
- Có 3 trường, mỗi trường là một danh mục với nhiều mã, để phân nhóm, phân loại khách hàng phục vụ thống kê, phân tích
- Kiểm tra mã số thuế hợp lệ, trùng mã số thuế
- Thông tin khách hàng được phần mềm tự động lấy từ cơ sở dữ liệu thông tin doanh nghiệp khi nhận mã số thuế
- Quản lý khách hàng theo đơn vị trong trường hợp có nhiều đơn vị sử dụng chung một cơ sở dữ liệu
- Nhiều thông tin hỗ trợ như tài khoản ngân hàng, điều khoản thanh toán...

## Thực hiện các giao dịch, cập nhật chứng từ bán hàng và thu tiền

- Các giao dịch, chứng từ bán hàng
  - Đơn hàng, hợp đồng bán
  - Phiếu xuất giao hàng
  - Hóa đơn bán hàng
  - Hóa đơn bán hàng kèm phiếu xuất kho

- Hóa đơn dịch vụ
- Phiếu nhập hàng bán, dịch vụ trả lại
- Hóa đơn điều chỉnh tăng/giảm thuế và/hoặc doanh thu
- Kết nối với phần mềm phát hành hóa điện tử của FAST hoặc một số nhà cung cấp phần mềm hóa đơn điện tử khác.
- Thu tiền bán hàng, điều chỉnh công nợ
  - Thu tiền bán hàng, nhận tiền khách hàng thanh toán (tiền mặt, tiền gửi)
  - Chứng từ phải thu khác, chứng từ bù trừ công nợ
  - Phân bổ tiền đã thu cho các hóa đơn.
- Theo dõi hóa đơn bán hàng chi tiết theo nhân viên/bộ phận kinh doanh, thời hạn thanh toán... Theo dõi nhiều đơn hàng, hợp đồng, dự án trên 1 hóa đơn. Kiểm tra số dư hiện thời của khách hàng
- Xử lý linh hoạt các trường hợp hàng khuyến mãi, quà tặng, giảm giá...
- Có thể tạo phiếu thu khi lưu hóa đơn bán hàng thu tiền ngay
- Tự động tính toán thuế và chuyển thông tin sang bảng kê hóa đơn hàng hóa dịch vụ bán ra.
- Có thể sửa tiền thuế (làm tròn số). Theo dõi thuế theo dự án hợp đồng
- Thực hiện các bút toán điều chỉnh, bút toán bù trừ giữa các khách hàng hoặc với nhà cung cấp
- Thu tiền có thể thực hiện riêng và sau đó phân bổ tiền thu cho các hóa đơn
- In hóa đơn từ chương trình trên mẫu in sẵn hoặc in trực tiếp từ chương trình.

Ví dụ về màn hình nhập: “Hóa đơn bán hàng”

## Các tiện ích

- Nhập (import) danh mục và số dư ban đầu từ excel
- Nhập (import) chứng từ (hóa đơn) từ excel.

## Các báo cáo

- Có các nhóm báo cáo sau:
  - Báo cáo bán hàng theo mặt hàng
  - Báo cáo bán hàng theo tài khoản
  - Báo cáo công nợ khách hàng
  - Báo cáo công nợ hóa đơn
  - Báo cáo đơn hàng.
- Mỗi nhóm báo cáo gồm nhiều báo cáo chi tiết, tổng hợp và phân tích bán hàng, công nợ theo thời gian – nhiều kỳ, lũy kế, so sánh cùng kỳ khác năm... phân tích bán hàng, công nợ theo các chiều/đối tượng khác nhau...
- Một số báo cáo người sử dụng có thể tự chọn các cột số liệu lên báo cáo, thứ tự sắp xếp các cột, độ rộng các cột và lưu lại mẫu để sử dụng lại cho các lần tiếp theo.

| BÁO CÁO TỔNG HỢP BÁN HÀNG                |           |                   |     |               |             |               |              |
|------------------------------------------|-----------|-------------------|-----|---------------|-------------|---------------|--------------|
| TỪ NGÀY: 01-01-2019 ĐẾN NGÀY: 31-03-2019 |           |                   |     |               |             |               |              |
| STT                                      | MÃ VẬT TƯ | TÊN VẬT TƯ        | ĐVT | SỐ LƯỢNG      | TIỀN HÀNG   | TIỀN THUẾ     | TỔNG TIỀN TT |
| 1                                        | SXTP01    | Thành phẩm SXTP01 | Cái | 3.550,000     | 284.000.000 | 28.400.000    | 312.400.000  |
| 2                                        | SXTP02    | Thành phẩm SXTP02 | Cái | 3.380,000     | 371.800.000 | 37.180.000    | 408.980.000  |
| 3                                        | SXTP03    | Thành phẩm SXTP03 | Cái | 3.710,000     | 575.050.000 | 57.505.000    | 632.555.000  |
| 4                                        | SXTP04    | Thành phẩm SXTP04 | Cái | 2.900,000     | 522.000.000 | 52.200.000    | 574.200.000  |
| TỔNG CỘNG:                               |           |                   |     | 1.752.850.000 | 175.285.000 | 1.928.135.000 |              |

| BẢNG KÊ CÔNG NỢ CỦA CÁC HOÁ ĐƠN THEO HẠN THANH TOÁN |                  |        |              |               |             |              |                     |                      |                      |                   |
|-----------------------------------------------------|------------------|--------|--------------|---------------|-------------|--------------|---------------------|----------------------|----------------------|-------------------|
| TỪ NGÀY: 01-01-2019 ĐẾN NGÀY: 31-03-2019            |                  |        |              |               |             |              |                     |                      |                      |                   |
| NGÀY BÁO CÁO: 31-03-2019                            |                  |        |              |               |             |              |                     |                      |                      |                   |
| STT                                                 | HÓA ĐƠN          | HẠN TT | NGÀY ĐẾN HẠN | TIỀN PHẢI THU | TIỀN ĐÃ THU | TRONG HẠN TT | QUÁ HẠN 1 - 30 NGÀY | QUÁ HẠN 31 - 60 NGÀY | QUÁ HẠN 61 - 90 NGÀY | QUÁ HẠN > 90 NGÀY |
| Khách hàng SXKH01 - SXKH01                          |                  |        |              | 693.935.000   | 200.000.000 | 444.785.000  | 0                   | 49.150.000           | 0                    | 0                 |
| 1                                                   | 02-02 0000002/SX | 15     | 17-02        | 249.150.000   | 200.000.000 |              |                     | 49.150.000           |                      |                   |
| 2                                                   | 31-03 0000006/SX | 15     | 15-04        | 254.650.000   |             | 254.650.000  |                     |                      |                      |                   |
| 3                                                   | 31-03 0000007/SX | 15     | 15-04        | 190.135.000   |             | 190.135.000  |                     |                      |                      |                   |
| Khách hàng SXKH02 - SXKH02                          |                  |        |              | 696.300.000   | 300.000.000 | 339.350.000  | 56.950.000          | 0                    | 0                    | 0                 |
| 1                                                   | 28-02 0000003/SX | 15     | 15-03        | 356.950.000   | 300.000.000 |              | 56.950.000          |                      |                      |                   |
| 2                                                   | 31-03 0000005/SX | 15     | 15-04        | 339.350.000   |             | 339.350.000  |                     |                      |                      |                   |
| TỔNG CỘNG:                                          |                  |        |              | 1.390.235.000 | 500.000.000 | 784.135.000  | 56.950.000          | 49.150.000           | 0                    | 0                 |

## KẾT NỐI VỚI GIẢI PHÁP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ FAST E-INVOICE

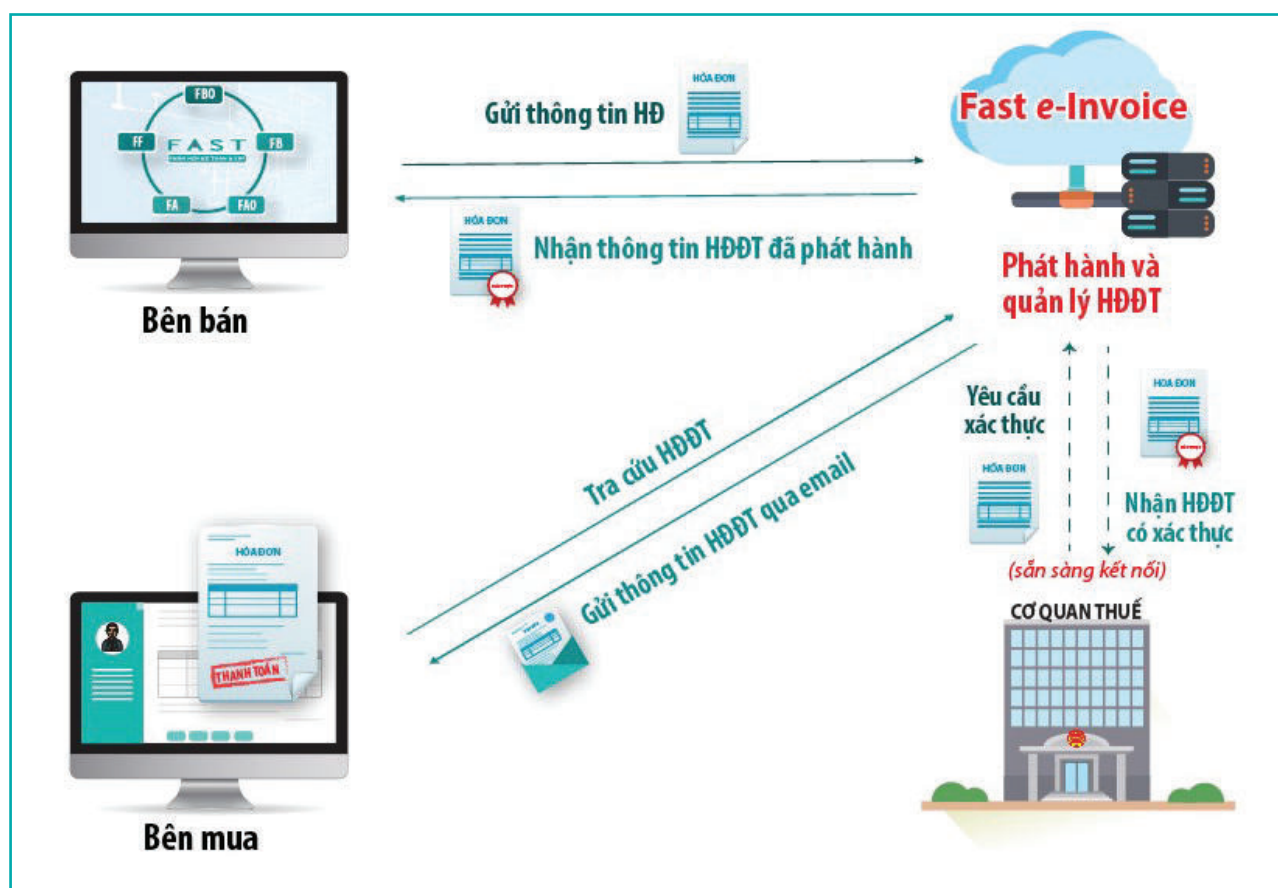
Fast e-Invoice là giải pháp hóa đơn điện tử, giúp khách hàng phát hành, lưu trữ và quản lý hóa đơn điện tử dễ dàng, an toàn và nhanh chóng.

### Menu các chức năng

Fast e-Invoice là giải pháp hóa đơn điện tử, giúp khách hàng phát hành, lưu trữ và quản lý hóa đơn điện tử dễ dàng, an toàn và nhanh chóng.

Phần mềm Fast Accounting sẵn sàng kết nối với Fast e-Invoice. Khách hàng nhập các thông tin của hóa đơn vào phần mềm Fast Accounting và chuyển lên Fast e-Invoice để phát hành hóa đơn điện tử.

Điểm khác biệt của FAST là cho phép khách hàng lựa chọn phần mềm phát hành hóa đơn điện tử - không chỉ có Fast e-Invoice, mà có thể sử dụng phần mềm của một số đối tác khác.



### Tính năng của Fast e-Invoice

- Cập nhật thông tin hóa đơn bán hàng trên các phần mềm giao dịch.
- Chuyển thông tin hóa đơn bán hàng lên phần mềm phát hành hóa đơn điện tử.
- Phát hành hóa đơn điện tử, cấp số hóa đơn trên phần mềm.



- Quản lý hóa đơn điện tử
  - Xem và in các báo cáo thống kê về các hoạt động quản lý hóa đơn điện tử của doanh nghiệp
  - Chuyển thành hóa đơn giấy: Cho phép chuyển đổi hóa đơn điện tử đã phát hành thành hóa đơn giấy dùng để ghi sổ, theo dõi theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về giao dịch điện tử
  - Xem hóa đơn điện tử trước khi phát hành: Cho phép xem mẫu in hóa đơn điện tử trước khi phát hành chính thức nhằm tránh sai sót dữ liệu trên hóa đơn.
- Xử lý khi sai thông tin hóa đơn
  - Cho phép hủy hóa đơn điện tử đã phát hành khi có sai sót, lập và phát hành hóa đơn thay thế cho hóa đơn đã bị hủy
  - Cho phép lập và phát hành hóa đơn điều chỉnh khi hóa đơn đã lập và gửi cho người mua, đã giao hàng, cung ứng dịch vụ, đã kê khai thuế.
- Cho phép khách hàng tiếp nhận hóa đơn điện tử thuận tiện, nhanh chóng thông qua cổng tiếp nhận hóa đơn của bên phát hành (Web, Portal) hoặc nhận qua email.
- Người dùng có thể cung cấp thông tin đăng nhập cho khách hàng của mình để truy cập và quản lý lịch sử hóa đơn đã phát hành.
- Cho phép người dùng quản lý tình hình phát hành hóa đơn trên Mobile App.

Phát hành hóa đơn điện tử

Làm mới Xem trước mẫu in Chi tiết Phát hành Thay thế Điều chỉnh Hủy Kết xuất Máy tính Phản hồi

Kéo một trường vào đây để nhóm theo trường đó.

| Chọn                     | Ko nhận hđ               | Ngày hđ    | Số hđ   | Mã khách | Tên khách                       | Tổng tiền tt VND | Quyền hđ      | Ký hiệu hđ | Mã c.tử |
|--------------------------|--------------------------|------------|---------|----------|---------------------------------|------------------|---------------|------------|---------|
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 20-06-2019 | 0000029 | KH001    | khách hàng test hóa đơn điện tử | 1.260            | AA/19E-000001 | AA/19E     | HD3     |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 20-06-2019 | 0000034 | KH002    | khách hàng test hóa đơn điện tử | 1.260            | AA/19E-000001 | AA/19E     | HD3     |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 23-07-2019 | 0000073 | KH001    | khách hàng test hóa đơn điện tử | 14.850           | AA/19E-000001 | AA/19E     | HDA     |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 24-07-2019 | 0000074 | KH001    | khách hàng test hóa đơn điện tử | 14.850           | AA/19E-000001 | AA/19E     | HDA     |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 24-07-2019 | 0000079 | KH005    | khách hàng imp                  | 4.400.000        | AA/19E-000001 | AA/19E     | HDA     |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 25-07-2019 | 0000075 | KH001    | khách hàng test hóa đơn điện tử |                  | AA/19E-000001 | AA/19E     | HD8     |

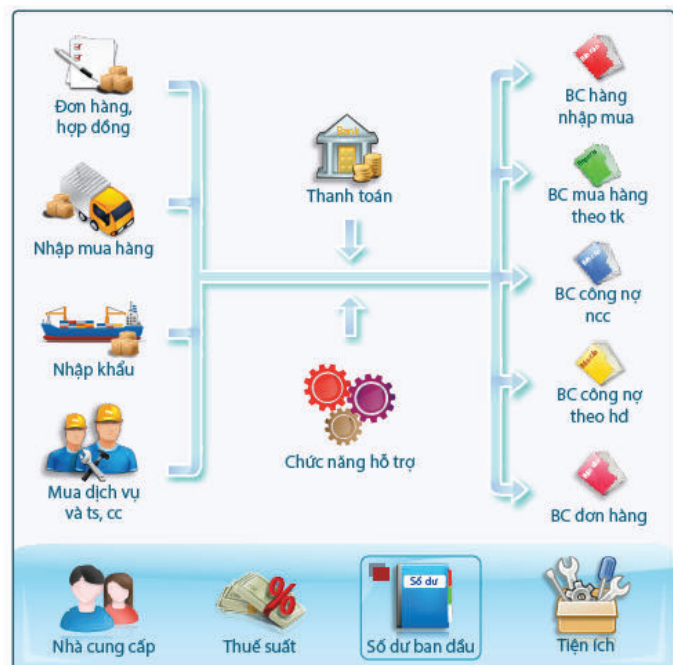
Ví dụ về màn hình "Phát hành hóa đơn điện tử"



# KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ

Phân hệ “Kế toán Mua hàng và Công nợ Phải trả” theo dõi quá trình mua hàng từ khi đặt mua cho đến nhận hàng, nhận hóa đơn và thanh toán cho nhà cung cấp. Các báo cáo về tồn kho, về đơn hàng bán... hỗ trợ cho việc đặt mua kịp thời, tồn kho tối ưu. Công nợ được theo dõi chi tiết theo hạn thanh toán của từng hóa đơn giúp cho việc thanh toán đúng hạn, xây dựng mối quan hệ tốt với nhà cung cấp.

## Menu các chức năng



## Danh mục nhà cung cấp

- Mã nhà cung cấp lên tới 16 ký tự
- Có 3 trường, mỗi trường là một danh mục với nhiều mã, để phân nhóm, phân loại nhà cung cấp phục vụ thống kê, phân tích
- Kiểm tra mã số thuế hợp lệ, trùng mã số thuế
- Thông tin khách hàng được phần mềm tự động lấy từ cơ sở dữ liệu thông tin doanh nghiệp khi nhập mã số thuế
- Quản lý nhà cung cấp theo đơn vị trong trường hợp có nhiều đơn vị sử dụng chung một cơ sở dữ liệu
- Nhiều thông tin hỗ trợ như tài khoản ngân hàng, điều khoản thanh toán...

## Thực hiện các giao dịch, cập nhật chứng từ mua hàng và thanh toán

- Các giao dịch, chứng từ mua hàng
  - Đơn hàng, hợp đồng mua - nội địa và nhập khẩu
  - Nhập hàng mua – nội địa và nhập khẩu
  - Nhập mua xuất thẳng
  - Chi phí mua hàng
  - Xuất trả lại nhà cung cấp

- Hóa đơn mua dịch vụ và các hàng hóa khác (TSCĐ, CCDC...)
- Thanh toán cho nhà cung cấp
  - Chi thanh toán cho nhà cung cấp - bằng tiền mặt, tiền gửi, tiền vay
  - Phiếu thanh toán tạm ứng
  - Chứng từ phải trả khác, chứng từ bù trừ công nợ
  - Phân bổ tiền đã trả cho các hóa đơn.
- Theo dõi nhiều đơn hàng, hợp đồng, dự án trên 1 phiếu nhập mua
- Các chi phí nhập mua, thuế nhập khẩu có thể nhập chung trên cùng phiếu nhập hoặc nhập riêng như là một phiếu nhập chi phí. Có các tiện ích cho việc phân bổ chi phí cho các mặt hàng
- Khi làm phiếu xuất trả lại nhà cung cấp có thể tra phiếu nhập mua
- Tự động tính toán thuế và cập nhật các thông tin liên quan đến hóa đơn thuế đầu vào, có thể nhập nhiều hóa đơn thuế đầu vào liên quan đến 1 phiếu nhập để lên bảng kê hóa đơn thuế GTGT đầu vào, có thể tách theo dự án, hợp đồng
- Thực hiện các bút toán điều chỉnh, bút toán bù trừ công nợ giữa các nhà cung cấp hoặc với khách hàng
- Thanh toán có thể thực hiện riêng và sau đó phân bổ tiền thanh toán cho các hóa đơn
- In phiếu nhập kho, phiếu thanh toán tạm ứng từ chương trình trên mẫu in sẵn hoặc in trực tiếp từ chương trình.

Ví dụ về màn hình “Nhập hàng mua”

## Các tiện ích

- Nhập (import) danh mục và sổ dư ban đầu từ excel.
- Nhập (import) chứng từ (hóa đơn) từ excel.

## Các báo cáo

- Có các nhóm báo cáo sau:
  - Báo cáo hàng nhập mua
  - Báo cáo mua hàng theo tài khoản
  - Báo cáo công nợ của nhà cung cấp
  - Báo cáo công nợ hóa đơn
  - Báo cáo đơn hàng.
- Mỗi nhóm báo cáo gồm nhiều báo cáo chi tiết, tổng hợp và phân tích hàng nhập mua, công nợ theo thời gian – nhiều kỳ, lũy kế, so sánh cùng kỳ khác năm... phân tích mua hàng, công nợ theo các chiều/đối tượng khác nhau...
- Một số báo cáo người sử dụng có thể tự chọn các cột số liệu lên báo cáo, thứ tự sắp xếp các cột, độ rộng các cột và lưu lại mẫu để sử dụng lại cho các lần tiếp theo.

### BÁO CÁO TỔNG HỢP HÀNG NHẬP MUA

TỪ NGÀY: 01-01-2019 ĐẾN NGÀY: 31-03-2019

| STT | MÃ VẬT TƯ | TÊN VẬT TƯ             | ĐVT | SỐ LƯỢNG          | TIỀN HÀNG            |
|-----|-----------|------------------------|-----|-------------------|----------------------|
| 1   | SXVLC01   | Vật liệu chính SXVLC01 | KG  | 60.000,000        | 60.000.000           |
| 2   | SXVLC02   | Vật liệu chính SXVLC02 | KG  | 100.000,000       | 200.000.000          |
| 3   | SXVLC03   | Vật liệu chính SXVLC03 | KG  | 100.000,000       | 300.000.000          |
| 4   | SXVLC04   | Vật liệu chính SXVLC04 | KG  | 100.000,000       | 400.000.000          |
| 5   | SXVLC05   | Vật liệu chính SXVLC05 | KG  | 40.000,000        | 200.000.000          |
| 6   | SXVLP01   | Vật liệu phụ SXVLP01   | KG  | 70.000,000        | 35.000.000           |
| 7   | SXVLP02   | Vật liệu phụ SXVLP02   | KG  | 70.000,000        | 70.000.000           |
| 8   | SXVLP03   | Vật liệu phụ SXVLP03   | KG  | 70.000,000        | 105.000.000          |
| 9   | SXVLP04   | Vật liệu phụ SXVLP04   | KG  | 70.000,000        | 140.000.000          |
| 10  | SXVLP05   | Vật liệu phụ SXVLP05   | KG  | 70.000,000        | 175.000.000          |
|     |           |                        |     | <b>TỔNG CỘNG:</b> | <b>1.685.000.000</b> |

### BẢNG KÊ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ THEO HÓA ĐƠN

TỪ NGÀY: 01-01-2019 ĐẾN NGÀY: 31-03-2019

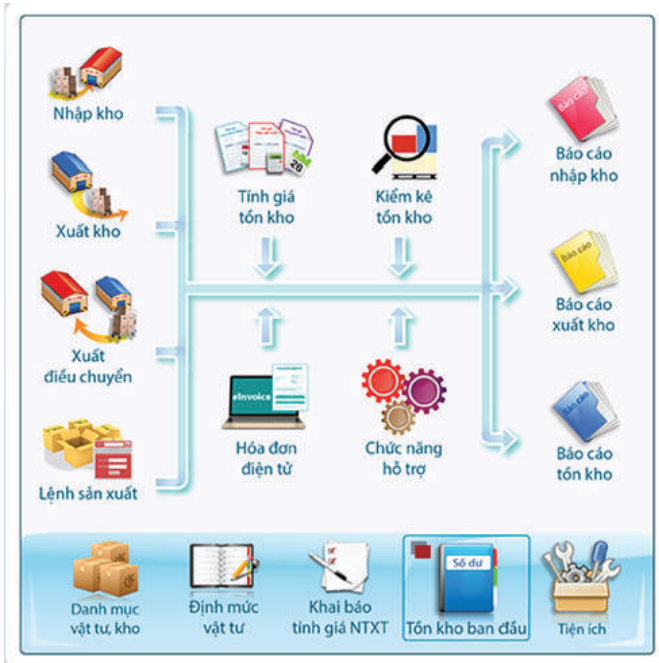
NGÀY BÁO CÁO: 31-03-2019

| STT                                 | CHỨNG TỪ | DIỄN GIẢI                                                 | TIỀN PHẢI TRẢ        | TIỀN ĐÃ TRẢ | TIỀN CÒN PHẢI TRẢ    | HẠN TT | NGÀY ĐẾN HẠN | SỐ NGÀY ĐẾN HẠN | SỐ NGÀY QUÁ HẠN |
|-------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------|----------------------|-------------|----------------------|--------|--------------|-----------------|-----------------|
|                                     | NGÀY SỐ  |                                                           |                      |             |                      |        |              |                 |                 |
| <b>Nhà cung cấp SXNB01 - SXNB01</b> |          |                                                           | <b>577.237.500</b>   | <b>0</b>    | <b>577.237.500</b>   |        |              |                 |                 |
| 1                                   | 03-01    | PN001/SX2 Nhập mua vật liệu phụ của nhà cung cấp SXNB01   | 571.725.000          |             | 571.725.000          | 30     | 02-02        |                 | 57              |
| 2                                   | 03-01    | PN001/SX2 Nhập mua vật liệu phụ của nhà cung cấp SXNB01   | 5.512.500            |             | 5.512.500            | 30     | 02-02        |                 | 57              |
| <b>Nhà cung cấp SXNB02 - SXNB02</b> |          |                                                           | <b>1.269.718.500</b> | <b>0</b>    | <b>1.269.718.500</b> |        |              |                 |                 |
| 1                                   | 03-01    | PN001/SX1 Nhập mua vật liệu chính của nhà cung cấp SXNB02 | 591.327.000          |             | 591.327.000          | 30     | 02-02        |                 | 57              |
| 2                                   | 08-01    | PN002/SX1 Nhập mua vật liệu chính của nhà cung cấp SXNB02 | 671.913.000          |             | 671.913.000          | 30     | 07-02        |                 | 52              |
| 3                                   | 08-01    | PN002/SX1 Nhập mua vật liệu chính của nhà cung cấp SXNB02 | 6.478.500            |             | 6.478.500            | 30     | 07-02        |                 | 52              |
| <b>TỔNG CỘNG:</b>                   |          |                                                           | <b>1.846.956.000</b> | <b>0</b>    | <b>1.846.956.000</b> |        |              |                 |                 |

# KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Phân hệ “Kế toán hàng tồn kho” quản lý danh điểm hàng hóa vật tư, thực hiện nhập xuất kho, tính giá hàng tồn kho và lên các báo cáo theo quy định và báo cáo quản trị nội bộ. Có các phương pháp tính giá hàng tồn kho khác nhau: bình quân tháng, bình quân di động hoặc nhập trước xuất trước. Tốc độ tính giá cực nhanh, ngay cả khi với nhiều ngàn danh điểm vật tư và số lượng phiếu nhập xuất lớn. Có thể tính giá đúng cho trường hợp điều chuyển lòng vòng giữa các kho. Theo dõi tồn kho theo 2 đơn vị tính, tồn kho theo lô. Nhiều báo cáo phục vụ thống kê và phân tích về hàng nhập, hàng xuất và hàng tồn kho.

## Menu các chức năng



- Kiểm kê tồn kho
- Các giao dịch liên quan đến nhập mua, xuất bán được nhập tại các phân hệ tương ứng và tự động chuyển sang phân hệ kế toán hàng tồn kho.
- Giao dịch nhập/xuất có thể thực hiện với nhiều hợp đồng, dự án, lệnh sản xuất, nhiều mã nhập xuất (tài khoản đối ứng), nhiều mã kho
- Hỗ trợ việc tính các mặt hàng và số lượng hàng xuất dựa theo khai báo định mức sản phẩm
- Xuất điều chuyển có thể thực hiện 1 bước - tự động tạo phiếu nhập hoặc 2 bước – phiếu xuất riêng, phiếu nhập riêng
- Kiểm tra hàng tồn kho khi thực hiện xuất kho
- In chứng từ trên mẫu in sẵn hoặc trực tiếp từ chương trình.

## Danh mục vật tư, hàng hóa

- Mã vật tư có độ dài tới 16 ký tự
- Có 3 trường, mỗi trường là một danh mục với nhiều mã, để phân nhóm, phân loại vật tư phục vụ thống kê, phân tích
- Quản lý nhà cung cấp theo đơn vị trong trường hợp có nhiều đơn vị sử dụng chung một cơ sở dữ liệu
- Cho phép khai báo các tài khoản ngầm định liên quan – tài khoản kho, tài khoản giá vốn, tài khoản... để hỗ trợ cho việc tự động hạch toán các giao dịch nhập xuất hàng hóa, vật tư
- Cho phép khai báo các mặt hàng quản lý theo 2 đơn vị tính, quản lý theo lô.

## Thực hiện các giao dịch, cập nhật chứng từ nhập xuất

- Các giao dịch, chứng từ nhập xuất
  - Nhập kho
  - Xuất kho
  - Xuất điều chuyển
  - Lệnh sản xuất.

| Số | Mã vật tư | Tên vật tư          | Đvt | Mã kho | Tồn kho    | Số lượng   | Đơn giá   | Tiền hàng  |
|----|-----------|---------------------|-----|--------|------------|------------|-----------|------------|
| 1  | SKVL03    | Vật liệu phụ SKVL03 | KG  | SKVL03 | 6,100,000  | 10,000,000 | 1,500,000 | 15,000,000 |
| 2  | SKVL04    | Vật liệu phụ SKVL04 | KG  | SKVL04 | 8,400,000  | 20,000,000 | 2,000,000 | 40,000,000 |
| 3  | SKVL05    | Vật liệu phụ SKVL05 | KG  | SKVL05 | 41,400,000 | 10,000,000 | 2,500,000 | 25,000,000 |
|    |           |                     |     |        | Tổng cộng  |            |           | 80,000,000 |

Ví dụ về màn hình nhập chứng từ “Phiếu xuất kho”



## Các tiện ích

- Nhập (import) các danh mục và số dư, tồn kho ban đầu từ excel
- Nhập (import) chứng từ từ excel
- Kiểm tra số liệu: Khi có sai lệch số kho và số chi tiết tài khoản hoặc giữa tồn kho và tồn kho trên các phiếu nhập tính theo phương pháp nhập trước xuất trước thì chương trình có chức năng kiểm tra một loạt các nguyên nhân dẫn đến các sai lệch này, đưa ra các giao dịch gây lỗi, hoặc các khai báo chưa đúng... giúp người sử dụng có thể chỉnh sửa để lên báo cáo đúng.
- Khai báo kho ngầm định cho các vật tư, nếu chỉ có một kho hoặc vật tư nào đó chỉ ở có 1 kho thì không phải nhập mã kho nhập/xuất.

## Tính giá hàng tồn kho

- Tính giá và cập nhật giá hàng tồn kho theo nhiều phương pháp khác nhau: giá trung bình tháng, giá trung bình theo ngày, giá nhập trước xuất trước, giá đích danh.
- Làm phiếu xuất lịch giá cuối kỳ với các lựa chọn khác nhau tùy theo nhu cầu.

- Tốc độ tính giá cực nhanh, ngay cả khi với nhiều ngàn danh điểm vật tư và số lượng phiếu nhập xuất lớn. Có thể tính giá đúng cho trường hợp điều chuyển lòng vòng giữa các kho. Xử lý được trường hợp chi phí về sau hoặc xuất đích danh đối với tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

## Các báo cáo

- Có các nhóm báo cáo sau:
  - Báo cáo nhập kho
  - Báo cáo xuất kho
  - Báo cáo tồn kho.
- Mỗi nhóm báo cáo gồm nhiều báo cáo chi tiết, tổng hợp và phân tích hàng nhập, xuất, tồn – nhiều kỳ, lũy kế, so sánh cùng kỳ khác năm... phân tích hàng nhập, xuất, tồn theo các chiều/đối tượng khác nhau...
- Một số báo cáo người sử dụng có thể tự chọn các cột số liệu lên báo cáo, thứ tự sắp xếp các cột, độ rộng các cột và lưu lại mẫu để sử dụng lại cho các lần tiếp theo.

| TỔNG HỢP NHẬP XUẤT TỒN                   |           |                        |     |           |             |            |            |
|------------------------------------------|-----------|------------------------|-----|-----------|-------------|------------|------------|
| KHO: TẤT CẢ CÁC KHO                      |           |                        |     |           |             |            |            |
| TỪ NGÀY: 01-01-2019 ĐẾN NGÀY: 31-03-2019 |           |                        |     |           |             |            |            |
| STT                                      | MÃ VẬT TƯ | TÊN VẬT TƯ             | ĐVT | TỒN ĐẦU   | SL NHẬP     | SL XUẤT    | TỒN CUỐI   |
| 1                                        | SXTP01    | Thành phẩm SXTP01      | Cái |           | 3.750,000   | 3.550,000  | 200,000    |
| 2                                        | SXTP02    | Thành phẩm SXTP02      | Cái |           | 3.380,000   | 3.380,000  |            |
| 3                                        | SXTP03    | Thành phẩm SXTP03      | Cái |           | 3.710,000   | 3.710,000  |            |
| 4                                        | SXTP04    | Thành phẩm SXTP04      | Cái |           | 2.900,000   | 2.900,000  |            |
| 5                                        | SXVLC01   | Vật liệu chính SXVLC01 | KG  | 6.000,000 | 60.000,000  | 33.500,000 | 32.500,000 |
| 6                                        | SXVLC02   | Vật liệu chính SXVLC02 | KG  | 4.000,000 | 100.000,000 | 66.300,000 | 37.700,000 |
| 7                                        | SXVLC03   | Vật liệu chính SXVLC03 | KG  | 4.000,000 | 100.000,000 | 66.900,000 | 37.100,000 |
| 8                                        | SXVLC04   | Vật liệu chính SXVLC04 | KG  | 3.000,000 | 100.000,000 | 64.100,000 | 38.900,000 |
| 9                                        | SXVLC05   | Vật liệu chính SXVLC05 | KG  | 2.000,000 | 40.000,000  | 30.000,000 | 12.000,000 |
| 10                                       | SXVLP01   | Vật liệu phụ SXVLP01   | KG  | 1.000,000 | 70.000,000  | 32.500,000 | 38.500,000 |
| 11                                       | SXVLP02   | Vật liệu phụ SXVLP02   | KG  | 1.000,000 | 70.000,000  | 64.300,000 | 6.700,000  |
| 12                                       | SXVLP03   | Vật liệu phụ SXVLP03   | KG  | 1.000,000 | 70.000,000  | 64.900,000 | 6.100,000  |
| 13                                       | SXVLP04   | Vật liệu phụ SXVLP04   | KG  | 500,000   | 70.000,000  | 62.100,000 | 8.400,000  |
| 14                                       | SXVLP05   | Vật liệu phụ SXVLP05   | KG  | 400,000   | 70.000,000  | 29.000,000 | 41.400,000 |

NGƯỜI LẬP BIỂU  
(Ký, họ tên)

Ngày ..... tháng ..... năm .....  
 KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

| Stt | Mã vật tư | Tên vật tư                 | Đvt | Tồn kỳ 1   | Tồn kỳ 2   | Tồn kỳ 3   |
|-----|-----------|----------------------------|-----|------------|------------|------------|
| 1   | SXTP01    | Sản xuất thành phẩm 01     | Cái | 500,000    |            |            |
| 2   | SXTP02    | Sản xuất thành phẩm 02     | Cái | 500,000    | 300,000    |            |
| 3   | SXTP03    | Sản xuất thành phẩm 03     | Cái | 1.000,000  | 1.000,000  |            |
| 4   | SXTP04    | Sản xuất thành phẩm 04     | Cái | 300,000    | 500,000    |            |
| 5   | SXVLC01   | Sản xuất vật liệu chính 01 | KG  | 53.500,000 | 43.500,000 | 32.500,000 |
| 6   | SXVLC02   | Sản xuất vật liệu chính 02 | KG  | 79.700,000 | 59.700,000 | 37.700,000 |
| 7   | SXVLC03   | Sản xuất vật liệu chính 03 | KG  | 79.100,000 | 59.100,000 | 37.100,000 |
| 8   | SXVLC04   | Sản xuất vật liệu chính 04 | KG  | 80.900,000 | 60.900,000 | 38.900,000 |
| 9   | SXVLC05   | Sản xuất vật liệu chính 05 | KG  | 33.000,000 | 23.000,000 | 12.000,000 |
| 10  | SXVLP01   | Sản xuất vật liệu phụ 01   | KG  | 58.500,000 | 48.500,000 | 38.500,000 |
| 11  | SXVLP02   | Sản xuất vật liệu phụ 02   | KG  | 46.700,000 | 26.700,000 | 6.700,000  |
| 12  | SXVLP03   | Sản xuất vật liệu phụ 03   | KG  | 46.100,000 | 26.100,000 | 6.100,000  |
| 13  | SXVLP04   | Sản xuất vật liệu phụ 04   | KG  | 48.400,000 | 28.400,000 | 8.400,000  |
| 14  | SXVLP05   | Sản xuất vật liệu phụ 05   | KG  | 61.400,000 | 51.400,000 | 41.400,000 |

# KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Phần hệ “Kế toán TSCĐ” lưu giữ các thông tin cần thiết về TSCĐ từ thời điểm tăng đến khi giảm, giúp người sử dụng nắm rõ các thông tin kế toán về tài sản tại một thời điểm bất kỳ. Với các tính năng cho phép cập nhật các thay đổi liên quan đến tài sản như điều chuyển bộ phận sử dụng, điều chỉnh giá trị tài sản, điều chỉnh khấu hao kỳ... và khả năng khai báo phân bổ khấu hao đa dạng, linh hoạt phần mềm giúp cho việc quản lý TSCĐ đáp ứng các yêu cầu của kế toán một cách thuận tiện và chính xác.

## Menu các chức năng



## Thông tin về tài sản cố định

- Theo dõi các thông tin như nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại, phương pháp tính khấu hao, số kỳ khấu hao, nhóm tài sản, loại tài sản, bộ phận sử dụng, lý do tăng, nước sản xuất, năm sản xuất...
- Có 3 trường, mỗi trường là một danh mục với nhiều mã, để phân nhóm, phân loại tài sản phục vụ thống kê, phân tích
- Cho phép khai báo các tài khoản ngầm định liên quan – tài khoản khấu hao, tài khoản chi phí - để hỗ trợ cho việc tự động hạch toán bút toán phân bổ khấu hao.

| Thông tin chính              |                | Thông tin phụ          |            | Phụ tăng kèm theo |        |
|------------------------------|----------------|------------------------|------------|-------------------|--------|
| Mã tài sản (số thứ)          | SXTS01         | Mã phụ                 |            | Tk khấu hao       | 21411  |
| Tên tài sản                  | Tài sản SXTS01 |                        |            | Tk chi phí        | 6274   |
| Nhóm tài sản                 | 211            | TSCĐ hữu hình          |            | Mã phí            |        |
| Loại tài sản                 | L01            | Nhà cửa, vật kiến trúc |            | Mã loại           | BPCPSC |
| Lý do tăng                   | PH             |                        |            | Mã dự án          |        |
| Ngày tăng                    | 20-12-2017     |                        |            | Phần nhóm 1       |        |
| Mã loại                      | SX             | Sản xuất               |            | Phần nhóm 2       |        |
|                              |                |                        |            | Phần nhóm 3       |        |
|                              |                |                        |            | Mã DVCS           | DEMOSX |
| Kiểu khấu                    | 1. Đường thẳng |                        |            |                   |        |
| Số kỳ khấu                   | 240            |                        |            |                   |        |
| Tỷ lệ khấu nhanh             | 0,00           |                        |            |                   |        |
| Ngày bắt đầu tính khấu       | 01-01-2019     |                        |            |                   |        |
| Giá trị còn lại đưa vào khấu | 0              |                        |            |                   |        |
|                              |                | Số kỳ đã khấu đầu kỳ   |            |                   |        |
|                              |                | Ngày kết thúc khấu     | 31-12-2038 |                   |        |

| 1. Chi tiết giá trị ts |           | P4 - Thêm dòng, P8 - Xóa dòng, Ctrl+Tab - Ra khỏi chu kỳ |          |             |              |                 |                   |
|------------------------|-----------|----------------------------------------------------------|----------|-------------|--------------|-----------------|-------------------|
| Set                    | Ngày c.tử | Số c.tử                                                  | Điền giá | Nguyên giá  | Giá trị khấu | Giá trị còn lại | Giá trị khấu 1 kỳ |
| 1.01-01-2018           | 0000001   | Huà mới                                                  |          | 240.000.000 | 12.000.000   | 228.000.000     | 1.000.000         |
| Tổng cộng:             |           |                                                          |          | 240.000.000 | 12.000.000   | 228.000.000     | 1.000.000         |

Ví dụ về màn hình khai báo thông tin về TSCĐ

## Các tiện ích

- Nhập (import) danh mục tài sản từ excel.

## Khai báo các thay đổi về tài sản

- Điều chỉnh tăng/giảm giá trị tài sản
- Điều chuyển bộ phận sử dụng
- Khai báo tạm dừng khấu hao
- Khai báo giảm tài sản
- Khai báo thôi khấu hao.

## Tính khấu hao, phân bổ khấu hao, tạo bút toán sổ cái

- Bảng tính khấu hao TSCĐ

- Bảng tính khấu hao TSCĐ theo bộ phận
- Bảng tính khấu hao TSCĐ theo nguồn vốn
- Bảng tổng hợp trích khấu hao TSCĐ
- Bảng hạch toán phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng hạch toán phân bổ khấu hao TSCĐ - theo bộ phận.

## Các báo cáo

- Có các nhóm báo cáo sau:
  - Báo cáo kiểm kê TSCĐ
  - Báo cáo tăng giảm TSCĐ
  - Báo cáo khấu hao TSCĐ.
- Mỗi nhóm báo cáo gồm nhiều báo cáo chi tiết, tổng hợp và phân tích theo nhiều chiều/đối tượng khác nhau.

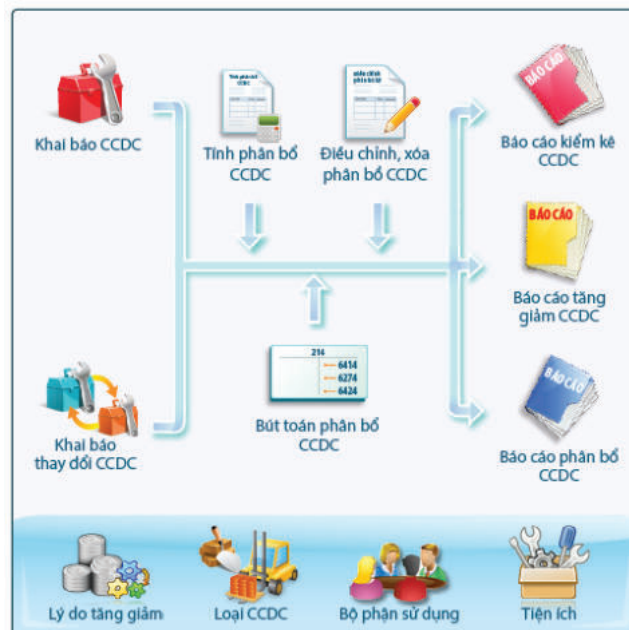
| SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH |               |             |                             |               |                  |              |                 |               |              |                                   |               |                  |                 |
|--------------------|---------------|-------------|-----------------------------|---------------|------------------|--------------|-----------------|---------------|--------------|-----------------------------------|---------------|------------------|-----------------|
| NĂM: 2019          |               |             |                             |               |                  |              |                 |               |              |                                   |               |                  |                 |
| STT                | GHI TĂNG TSCĐ |             |                             |               |                  |              |                 | KHẤU HAO TSCĐ |              |                                   | GHI GIẢM TSCĐ |                  |                 |
|                    | CHỨNG TỬ      |             | TÊN, ĐẶC ĐIỂM, KÝ HIỆU TSCĐ | NƯỚC SẢN XUẤT | NGÀY ĐƯA VÀO S/D | SỐ HIỆU TSCĐ | NGUYÊN GIÁ TSCĐ | KHẤU HAO      |              | KH DẪN TÍNH ĐẾN KHI GHI GIẢM TSCĐ | CHỨNG TỬ      |                  | LỖ DO GIẢM TSCĐ |
|                    | SỐ HIỆU       | NGÀY, THÁNG |                             |               |                  |              |                 | TỶ LỆ (%) KH  | MỨC KHẤU HAO |                                   | SỐ            | NGÀY, THÁNG, NĂM |                 |
| A                  | B             | C           | D                           | E             | G                | H            | 1               | 2             | 3            | 4                                 | I             | K                | L               |
| 1                  | 0000001       | 01-01-2018  | Tài sản SXTS01              | Việt Nam      | 20-12-2017       | TS001        | 240.000.000     | 0,42          | 1.000.000    |                                   |               |                  |                 |
| 2                  | 0000002       | 12-12-2017  | Tài sản SXTS02              | Việt Nam      | 12-12-2017       | TS001        | 420.000.000     | 1,00          | 4.200.000    |                                   |               |                  |                 |
| 3                  | 0000003       | 12-12-2017  | Tài sản SXTS03              |               | 12-12-2017       |              | 300.000.000     | 1,00          | 3.000.000    |                                   |               |                  |                 |
| 4                  | 0000004       | 30-12-2018  | Tài sản SXTS04              |               | 30-12-2018       |              | 142.500.000     | 0,67          | 950.000      |                                   |               |                  |                 |
| 5                  | 0000005       | 30-12-2018  | Tài sản SXTS05              |               | 20-12-2018       |              | 30.000.000      | 1,67          | 500.000      |                                   |               |                  |                 |
| CỘNG:              |               |             |                             |               |                  |              | 1.132.500.000   |               | 9.650.000    | 0                                 |               |                  |                 |

| BẢNG TÍNH KHẤU HAO TSCĐ       |                        |        |              |          |               |                     |                   |                 |
|-------------------------------|------------------------|--------|--------------|----------|---------------|---------------------|-------------------|-----------------|
| TỪ KỶ: 01 ĐẾN KỶ: 03 NĂM 2019 |                        |        |              |          |               |                     |                   |                 |
| STT                           | TÊN TÀI SẢN            | SỐ THẺ | NGÀY TÍNH KH | SỐ KỶ KH | NGUYÊN GIÁ    | GIÁ TRỊ KH TRONG KỶ | GIÁ TRỊ KH LŨY KẾ | GIÁ TRỊ CÒN LẠI |
|                               | Nhà cửa, vật kiến trúc | L01    |              |          | 240.000.000   | 3.000.000           | 15.000.000        | 225.000.000     |
| 1                             | Tài sản SXTS01         | SXTS01 | 01-01-2019   | 240      | 240.000.000   | 3.000.000           | 15.000.000        | 225.000.000     |
|                               | Máy móc, thiết bị      | L02    |              |          | 892.500.000   | 25.950.000          | 103.950.000       | 788.550.000     |
| 1                             | Tài sản SXTS02         | SXTS02 | 01-01-2019   | 100      | 420.000.000   | 12.600.000          | 54.600.000        | 365.400.000     |
| 2                             | Tài sản SXTS03         | SXTS03 | 01-01-2019   | 100      | 300.000.000   | 9.000.000           | 45.000.000        | 255.000.000     |
| 3                             | Tài sản SXTS04         | SXTS04 | 01-01-2019   | 150      | 142.500.000   | 2.850.000           | 2.850.000         | 139.650.000     |
| 4                             | Tài sản SXTS05         | SXTS05 | 01-01-2019   | 60       | 30.000.000    | 1.500.000           | 1.500.000         | 28.500.000      |
| TỔNG CỘNG:                    |                        |        |              |          | 1.132.500.000 | 28.950.000          | 118.950.000       | 1.013.550.000   |

# KẾ TOÁN CÔNG CỤ DUNG CỤ

Phân hệ “Kế toán CCDC” lưu giữ các thông tin cần thiết về CCDC từ thời điểm tăng đến khi giảm, giúp người sử dụng nắm rõ các thông tin kế toán về CCDC tại một thời điểm bất kỳ. Với các tính năng cho phép cập nhật các thay đổi liên quan đến CCDC như điều chuyển bộ phận sử dụng, điều chỉnh trích chi phí kỳ... và khả năng khai báo phân bổ chi phí đa dạng, linh hoạt phần mềm giúp cho việc quản lý CCDC đáp ứng các yêu cầu của kế toán một cách thuận tiện và chính xác.

## Menu các chức năng



## Thông tin về CCDC

- Theo dõi các thông tin như số lượng, nguyên giá, giá trị đã phân bổ, giá trị còn lại, phương pháp phân bổ chi phí, số kỳ phân bổ, nhóm CCDC, loại CCDC, bộ phận sử dụng, lý do tăng, nước sản xuất, năm sản xuất...
- Có 3 trường, mỗi trường là một danh mục với nhiều mã, để phân nhóm, phân loại CCDC phục vụ thống kê, phân tích
- Cho phép khai báo các tài khoản ngầm định liên quan – tài khoản chi phí chờ phân bổ, tài khoản chi phí - để hỗ trợ cho việc tự động hạch toán bút toán phân bổ khấu hao.

| Thông tin chính                             |                   | Thông tin phụ      |            | Phụ tùng kèm theo |        |
|---------------------------------------------|-------------------|--------------------|------------|-------------------|--------|
| Mã công cụ                                  | DVCC01            | Mã phụ             |            | Tk chủ p.bổ       | 24228  |
| Tên công cụ                                 | Công cụ DVCC01    |                    |            | Tk chi phí        | 6413   |
| Nhóm công cụ                                | 1531              | Công cụ dụng cụ    |            | Mã phí            |        |
| Loại công cụ                                | L01               | Loại 01_Bàn ghế    |            | Mã loại           |        |
| Lý do tăng                                  | MM                | Mua mới            |            | Mã dự án          |        |
| Ngày tăng                                   | 15-08-2018        |                    |            | Phân nhóm 1       |        |
| Ngày c.từ                                   | 01-09-2018        |                    |            | Phân nhóm 2       |        |
| Số c.từ                                     | 0000001           |                    |            | Phân nhóm 3       |        |
| Kiểu p.bổ                                   | 1. Theo thời gian |                    |            | Mã DVCS           | DEM00V |
| Số kỳ p.bổ                                  | 24                |                    |            |                   |        |
| Ngày bắt đầu tính p.bổ                      | 01-01-2019        | Ngày kết thúc p.bổ | 31-12-2020 |                   |        |
| Đơn vị tính                                 | cái               |                    |            |                   |        |
| Nguyên giá (đơn giá)                        | 5.000.000         | Giá trị p.bổ       | 833.332    |                   |        |
| Giá trị còn lại                             | 4.166.668         | Giá trị p.bổ 1 kỳ  | 208.333    |                   |        |
| Giá trị còn lại đưa vào p.bổ kỳ cuối nếu <= | 0                 |                    |            |                   |        |

| 1. Chi tiết tăng giảm |        |            |         |         |           | F4 - Thêm dòng, F8 - Xóa dòng, Ctrl+Tab - Ra khỏi chi tiết |            |              |
|-----------------------|--------|------------|---------|---------|-----------|------------------------------------------------------------|------------|--------------|
| Stt                   | Số thẻ | Ngày c.từ  | Số c.từ | Mã loại | Tên loại  | Số lượng                                                   | Nguyên giá | Giá trị p.bổ |
| 1                     | DVCC01 | 01-09-2018 | 0000001 | VP      | Văn phòng | 1,000                                                      | 5.000.000  | 833.332      |
| Tổng cộng:            |        |            |         |         |           | 1,000                                                      | 5.000.000  | 833.332      |

Ví dụ về màn hình khai báo thông tin về CCDC



## Các tiện ích

- Nhập (import) danh mục CCDC từ excel.

## Khai báo các thay đổi về tài sản

- Điều chuyển bộ phận sử dụng
- Khai báo tạm dừng phân bổ (trích chi phí)
- Khai báo giảm
- Khai báo hỏng
- Khai báo thôi phân bổ (trích chi phí).

## Tính trích chi phí, phân bổ chi phí, tạo bút toán sổ cái

- Có thể tính giá trị trích chi phí cho trường hợp trong một kỳ CCDC được điều chuyển qua nhiều bộ phận sử dụng hoặc cho nhiều dự án/công trình
- Có thể điều chỉnh giá trị trích chi phí sau khi tính theo công thức

- Có thể khai báo cách thức phân bổ chi phí đa dạng, linh hoạt cho nhiều đối tượng như bộ phận hạch toán, dự án, sản phẩm, lệnh sản xuất
- Thực hiện tạo bút toán phân bổ chi phí và hạch toán vào sổ cái.

## Các báo cáo

- Có các nhóm báo cáo sau:
  - Báo cáo kiểm kê CCDC
  - Báo cáo tăng giảm CCDC
  - Báo cáo trích chi phí CCDC.
- Mỗi nhóm báo cáo gồm nhiều báo cáo chi tiết, tổng hợp và phân tích theo nhiều chiều/đối tượng khác nhau.

| SỔ CÔNG CỤ DỤNG CỤ |          |             |                             |               |                  |              |                 |              |             |                                  |               |                  |                 |
|--------------------|----------|-------------|-----------------------------|---------------|------------------|--------------|-----------------|--------------|-------------|----------------------------------|---------------|------------------|-----------------|
| NĂM: 2019          |          |             |                             |               |                  |              |                 |              |             |                                  |               |                  |                 |
| STT                | CHỨNG TỬ |             |                             | GHI TĂNG CCDC |                  |              |                 | PHÂN BỐ      |             |                                  | GHI GIẢM CCDC |                  |                 |
|                    | SỐ HIỆU  | NGÀY, THÁNG | TÊN, ĐẶC ĐIỂM, KÝ HIỆU CCDC | NƯỚC SẢN XUẤT | NGÀY ĐƯA VÀO S/D | SỐ HIỆU CCDC | NGUYÊN GIÁ CCDC | PHÂN BỐ      |             | PB ĐÃ TÍNH ĐẾN KHI GHI GIẢM CCDC | CHỨNG TỬ      |                  | LÝ DO GIẢM CCDC |
|                    |          |             |                             |               |                  |              |                 | TỶ LỆ (%) PB | MỨC PHÂN BỐ |                                  | SỐ            | NGÀY, THÁNG, NĂM |                 |
| A                  | B        | C           | D                           | E             | G                | H            | 1               | 2            | 3           | 4                                | I             | K                | L               |
| 1                  | 0000002  | 01-11-2018  | DVCC02 - Công cụ DVCC02     | Việt Nam      | 01-11-2018       |              | 6.000.000       | 4,17         | 250.000     | 500.000                          |               |                  |                 |
| 2                  | 0000003  | 01-01-2019  | DVCC03A - Công cụ DVCC03    | Việt Nam      | 05-01-2019       |              | 1.800.000       | 4,17         | 75.000      |                                  |               |                  |                 |
| 3                  | 0000003  | 01-01-2019  | DVCC03B - Công cụ DVCC03    | Việt Nam      | 05-01-2019       |              | 2.400.000       | 4,17         | 100.000     |                                  |               |                  |                 |
| 4                  | 0000003  | 01-01-2019  | DVCC03C - Công cụ DVCC03    | Việt Nam      | 05-01-2019       |              | 1.800.000       | 4,17         | 75.000      |                                  |               |                  |                 |
| 5                  | 0000004  | 01-03-2018  | DVCC04 - Công cụ DVCC04     | Việt Nam      | 01-03-2018       |              | 7.000.000       | 4,17         | 291.667     | 2.916.667                        |               |                  |                 |
| 6                  | 0000005  | 01-01-2019  | DVCC05A - Công cụ DVCC05    | Việt Nam      | 05-01-2019       |              | 3.750.000       | 4,17         | 156.250     |                                  |               |                  |                 |
| 7                  | 0000005  | 01-01-2019  | DVCC05B - Công cụ DVCC05    | Việt Nam      | 05-01-2019       |              | 3.750.000       | 4,17         | 156.250     |                                  |               |                  |                 |
| 8                  | 0000006  | 01-01-2019  | DVCC06A - Công cụ DVCC06    | Việt Nam      | 05-01-2019       |              | 1.500.000       | 4,17         | 62.500      |                                  |               |                  |                 |
| 9                  | 0000006  | 01-01-2019  | DVCC06B - Công cụ DVCC06    | Việt Nam      | 05-01-2019       |              | 1.500.000       | 4,17         | 62.500      |                                  |               |                  |                 |

| BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ CCDC    |             |                  |           |             |            |
|-------------------------------|-------------|------------------|-----------|-------------|------------|
| TỪ KỶ: 01 ĐẾN KỶ: 03 NĂM 2019 |             |                  |           |             |            |
| STT                           | MÃ CHỈ TIÊU | TÊN CHỈ TIÊU     | LK ĐẾN ĐK | PS TRONG KỶ | LK ĐẾN CK  |
| 1                             | L01         | Loại 01_Bàn ghế  | 1.333.332 | 5.666.668   | 7.000.000  |
| 2                             | L02         | Loại 02_Máy tính | 2.916.667 | 2.187.501   | 5.104.168  |
| TỔNG CỘNG :                   |             |                  | 4.249.999 | 7.854.169   | 12.104.168 |

# BÁO CÁO CHI PHÍ THEO KHOẢN MỤC

Phân hệ “Báo cáo chi phí theo khoản mục” lên các báo cáo chi tiết và tổng hợp cũng như báo cáo phân tích chi phí bán hàng, chi phí quản lý, chi phí sản xuất chung. Các khoản mục phí có thể theo dõi dựa vào các tiểu khoản, tiết khoản hoặc sử dụng một trường riêng để khai báo.

## Menu các chức năng



## Một số báo cáo chi phí theo khoản mục

- Bảng kê chứng từ theo khoản mục phí/tiểu khoản.
- Tổng hợp số phát sinh theo khoản mục phí/tiểu khoản.
- Tổng hợp số phát sinh theo khoản mục phí – nhiều kỳ.
- Tổng hợp số phát sinh theo khoản mục phí – so sánh giữa 2 kỳ.
- ...

| Stt | Tk   | Tên tk                       | Kỳ 1       | Kỳ 2       | Kỳ 3       | Tổng ps     |
|-----|------|------------------------------|------------|------------|------------|-------------|
| 1   | 641  | Chi phí bán hàng             | 58.213.579 | 59.566.333 | 55.610.083 | 173.389.995 |
| 2   | 6411 | Chi phí nhân viên            | 26.920.500 | 26.920.500 | 26.920.500 | 80.761.500  |
| 3   | 6413 | Chi phí dụng cụ, đồ dùng     | 4.209.746  | 562.500    | 1.231.250  | 6.003.496   |
| 4   | 6414 | Chi phí khấu hao TSCĐ        | 2.083.333  | 2.083.333  | 2.458.333  | 6.624.999   |
| 5   | 6417 | Chi phí dịch vụ mua ngoài    | 25.000.000 | 30.000.000 | 25.000.000 | 80.000.000  |
| 6   | 642  | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 39.901.884 | 40.630.917 | 42.324.667 | 122.857.468 |
| 7   | 6421 | Chi phí nhân viên quản lý    | 26.920.500 | 26.920.500 | 26.920.500 | 80.761.500  |
| 8   | 6423 | Chi phí đồ dùng văn phòng    | 961.223    | 666.667    | 860.417    | 2.488.307   |
| 9   | 6424 | Chi phí khấu hao TSCĐ        | 12.020.161 | 11.843.750 | 11.843.750 | 35.707.661  |
| 10  | 6428 | Chi phí bằng tiền khác       |            | 1.200.000  | 2.700.000  | 3.900.000   |

# KẾ TOÁN DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH

Phân hệ “Kế toán dự án, công trình” thực hiện tập hợp các chi phí liên quan đến từng dự án, công trình, lên các báo cáo giá thành cũng như báo cáo lãi lỗ, các báo so sánh giữa số dự toán và số thực tế. Các số liệu được theo dõi gồm số phát sinh trong kỳ, số lũy kế từ đầu năm và số lũy kế từ khi khởi công. Việc phân bổ chi phí và kết chuyển giá vốn được khai báo linh hoạt, bao quát nhiều trường hợp, đáp ứng yêu cầu đa dạng trên thực tế. Cho phép theo dõi tồn kho, công nợ ở từng dự án, công trình. Có thể theo dõi các dự án, công trình theo các phân nhóm khác nhau cũng như theo cấu trúc dự án, công trình mẹ con.

## Menu các chức năng



## Thông tin về dự án, công trình

- Mã dự án, công trình lên tới 16 ký tự
- Theo dõi các thông tin như mã, tên, ngày bắt đầu, giá trị của dự án, giá thành dự toán, dự án mẹ, trạng thái của dự án...
- Có 3 trường, mỗi trường là một danh mục với nhiều mã, để phân nhóm, phân loại dự án công trình phục vụ thống kê, phân tích.

## Theo dõi dự toán của dự án, công trình

- Dự toán công trình có thể khai báo chi tiết theo mã vật tư cụ thể trong danh mục vật tư hoặc theo mã dự toán chung
- Lên các báo cáo chi tiết và tổng hợp theo các mã dự toán, so sánh giữa phát sinh thực tế và dự toán.

## Theo dõi giá trị thực hiện dự án, công trình và thanh toán theo giai đoạn

- Theo dõi giá trị thực hiện dự án, công trình và thanh toán theo giai đoạn
- Lên báo cáo giá trị thực và thanh toán của các dự án, công trình theo giai đoạn.

## Theo dõi nhập xuất, tồn kho của dự án công trình

- Theo dõi nhập xuất và tồn kho ở từng dự án công trình.
- Lên các báo cáo nhập xuất, tồn, sổ chi tiết vật tư ở từng dự án, công trình.

## Theo dõi công nợ của dự án, công trình

- Theo dõi công nợ phải thu và phải trả của từng dự án, công trình
- Lên các báo cáo như sổ chi tiết công nợ, bảng cân đối số phát sinh công nợ theo dự án, công trình.

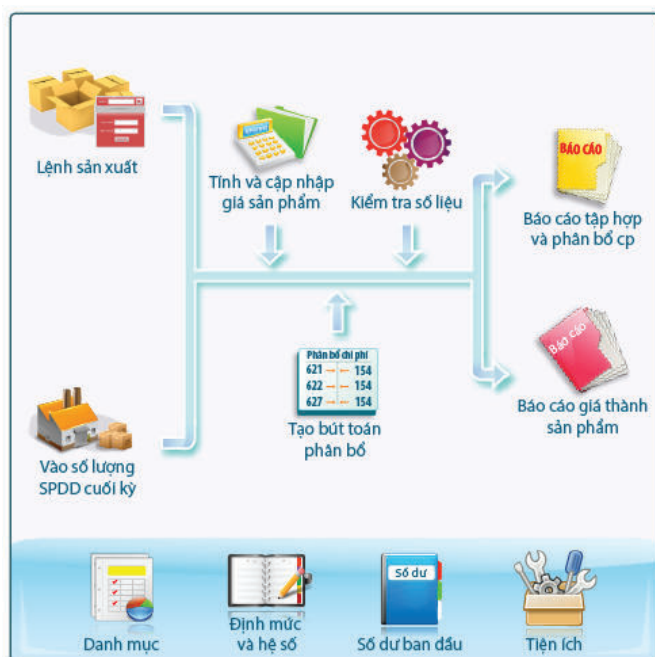
## Tính giá thành và lãi lỗ dự án, công trình

- Theo dõi các phát sinh theo dự án, công trình
- Chi phí tập hợp được phân bổ theo nhiều cách khác nhau: theo hệ số, theo phát sinh của tài khoản, theo giá thành của dự án, theo giá trị của dự án
- Chi phí có thể tập hợp thông qua các dự án “gián tiếp” và sau đó phân bổ cho các dự án “trực tiếp”
- Giá vốn có thể kết chuyển theo các phương pháp khác nhau: theo hệ số, theo so sánh giữa chi phí dở dang và doanh thu, theo so sánh giữa chi phí phát sinh và chi phí dự toán
- Lên các báo cáo đa dạng về chi phí, giá thành và kết quả sxkd của các dự án, công trình, theo số phát sinh trong kỳ, số lũy kế từ đầu năm và số lũy kế từ khi khởi công. Cho phép khai báo công thức tính cho các báo cáo.

# KẾ TOÁN GIÁ THÀNH SẢN XUẤT

Phân hệ “Kế toán Giá thành Sản xuất” thực hiện tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm sản xuất. Chương trình có thể tính giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn hàng (lệnh sản xuất) hoặc được sản xuất theo kế hoạch (make-to-stock). Có thể áp dụng cho bài toán giá thành đơn giản hoặc phức tạp với nhiều công đoạn, chi phí có thể tập hợp trực tiếp hoặc phân bổ, hoặc kết hợp cả hai, tiêu chí phân bổ đa dạng – theo NVL, theo tiền lương, theo sản lượng... Nhiều báo cáo giúp phân tích cấu trúc giá thành một cách chi tiết.

## Menu các chức năng



- Chương trình có nhiều chức năng kiểm tra số liệu dẫn đến chi phí tập hợp không phân bổ được: do khai báo thông tin sai hoặc chưa khai báo, do các phát sinh không cập nhật đủ thông tin hoặc chưa được cập nhật...
- Có chức năng tạo bút toán hạch toán phân bổ chi phí sang tài khoản chi phí sản xuất dở dang sau khi thực hiện bước phân bổ chi phí
- Giá thành sản phẩm được tính sau khi các chi phí tập hợp được phân bổ
- Giá thành sau khi được tính toán sẽ cập nhật cho các phiếu nhập thành phẩm vào kho.

## Các báo cáo

- Các báo cáo về tập hợp chi phí
- Các báo cáo về phân bổ chi phí
- Các báo về giá thành sản phẩm
- Báo cáo so sánh giữa định mức và giá thành thực tế theo nguyên vật liệu.

## Tập hợp chi phí sản xuất

- Chi phí có thể tập hợp cho các đối tượng khác nhau: chỉ trực tiếp cho sản phẩm, theo lệnh sản xuất, theo phân xưởng (bộ phận trực tiếp), theo tài khoản hoặc tập hợp theo một đối tượng gián tiếp nào đó (bộ phận gián tiếp)...
- Chương trình có chức năng kiểm tra các chi phí phát sinh đã được cập nhật đầy đủ các thông tin cho đối tượng tập hợp chi phí chưa.

## Phân bổ chi phí và tính giá thành sản phẩm

- Các chi phí không chỉ trực tiếp cho sản phẩm có thể lựa chọn cách phân bổ theo nhiều kiểu khác nhau: theo định mức vật tư (BOM), theo hệ số, theo số lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ, theo các yếu tố chi phí khác

| STT   | MÃ SẢN PHẨM | TÊN SẢN PHẨM    | BVT | S. NHẬP KHO | GT ĐƠN VỊ   | GTSP TRONG KỶ | CP NVL      | CP NC      | CP CHUNG   |
|-------|-------------|-----------------|-----|-------------|-------------|---------------|-------------|------------|------------|
| 1     | SP001       | Thủy phân SP001 | CA  | 1.500.000   | 88.765.984  | 88.659.984    | 70.000.741  | 14.679.403 | 3.422.136  |
| 2     | SP002       | Thủy phân SP002 | CA  | 1.500.000   | 61.565.013  | 60.666.013    | 51.828.412  | 12.656.001 | 5.167.591  |
| 3     | SP003       | Thủy phân SP003 | CA  | 1.500.000   | 125.151.571 | 124.147.050   | 109.628.050 | 17.511.000 | 7.607.597  |
| 4     | SP004       | Thủy phân SP004 | CA  | 800.000     | 155.110.256 | 154.767.194   | 128.678.265 | 9.650.646  | 7.564.137  |
| CỘNG: |             |                 |     | 5.800.000   | 433.892.824 | 433.831.072   | 433.783.873 | 64.406.200 | 24.331.280 |

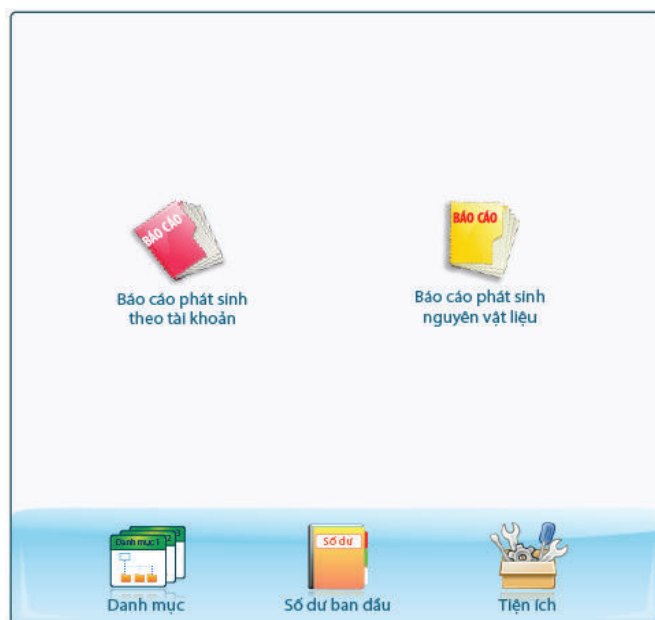
| STT        | TÊN YẾU TỐ                            | CP ĐÓ ĐẦU KỶ | CP PP TRONG KỶ | CP ĐÓ CUỐI KỶ | GTSP TRONG KỶ | GT ĐƠN VỊ  |
|------------|---------------------------------------|--------------|----------------|---------------|---------------|------------|
| 1          | Nhóm chi phí nguyên vật liệu - B6 621 | 22.600.000   | 16.907.179     | 9.341.433     | 70.000.741    | 46.707.184 |
| 2          | Nhóm chi phí nhân công - B6 622       |              | 14.573.193     |               | 14.573.193    | 9.715.462  |
| 3          | Nhóm chi phí sản xuất chung - B6 627  |              | 3.422.136      |               | 3.422.136     | 2.281.423  |
| TỔNG CỘNG: |                                       | 22.600.000   | 74.897.417     | 9.341.433     | 88.000.984    | 58.703.989 |



# BÁO CÁO THEO CÁC TRƯỜNG DO NGƯỜI DÙNG TỰ ĐỊNH NGHĨA

Ngoài những đối tượng quản lý chung của các doanh nghiệp như tài khoản, khách hàng, nhà cung cấp, hợp đồng, dự án, công trình, bộ phận hạch toán, lệnh sản xuất... còn có thể có những đối tượng thông tin cần theo dõi đặc thù riêng cho từng doanh nghiệp. Phần mềm có 3 trường cho phép người sử dụng tự định nghĩa để theo dõi các đối tượng này và có phân hệ báo cáo quản trị riêng cho các trường này.

## Menu các chức năng



## Các chức năng chính

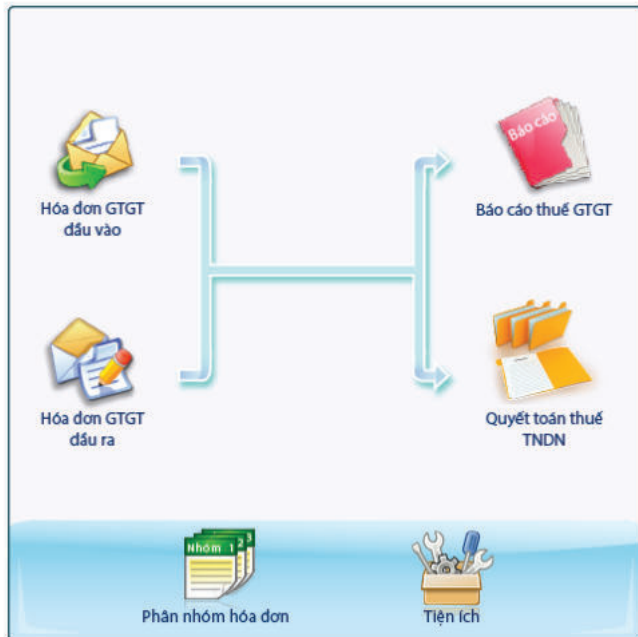
- Có các trường dạng danh mục, trường kiểu số, kiểu ngày tháng, kiểu diễn giải để người dùng bổ sung cho nhu cầu quản lý
- Người dùng có thể khai báo tên trường, độ rộng, vị trí trên các màn hình giao dịch, nhập chứng từ cho các trường do người sử dụng tự định nghĩa.

## Các báo cáo

- Có báo cáo chi tiết và tổng hợp theo các trường do người sử dụng tự định nghĩa
- Có các báo theo dõi phát sinh theo tài khoản và theo nguyên vật liệu.

# BÁO CÁO THUẾ

## Menu các chức năng



## Một số tính năng

- Có thể nhập nhiều hoá đơn GTGT đi kèm với một chứng từ hạch toán (phiếu chi, phiếu thanh toán tạm ứng, phiếu nhập mua hàng hóa, vật tư, dịch vụ)
- Có thể ghi âm giá trị hàng mua vào và số tiền thuế GTGT được khấu trừ trên bảng kê thuế GTGT đầu vào và ghi âm doanh số và số tiền thuế GTGT phải nộp trên bảng kê thuế GTGT đầu ra
- Có thể gộp chung những khách hàng mua lẻ vào một mã khách hàng và không đòi nhập mã số thuế của khách hàng không có mã số thuế
- Có chức năng kiểm tra số liệu giữa sổ cái và báo cáo thuế trong trường hợp có sự sai lệch giữa 2 báo cáo này, giúp người dùng nhanh chóng phát hiện ra các sai sót để khắc phục kịp thời
- Người dùng có thể tự khai báo cách lấy dữ liệu của từng chỉ tiêu trên tờ khai thuế GTGT

Phân hệ “Báo cáo Thuế” lên các báo cáo thuế GTGT và thuế TNDN theo quy định. Số liệu được tập hợp từ các phân hệ nghiệp vụ khác. Có chức năng kiểm tra số liệu, đối chiếu giữa sổ cái và báo cáo thuế. Báo cáo thuế được kết xuất ra tệp và đưa lên phần mềm của Tổng cục Thuế. Có thể thực hiện “Quản lý Hóa đơn” đối với doanh nghiệp sử dụng hóa đơn tự in. Đối với doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử thì thực hiện quản lý trên phần mềm hóa đơn điện tử.

- Tự động tính toán các chỉ tiêu cho lần đầu tiên vào tờ khai thuế và xuất ra tệp XML để kết nối với phần mềm hỗ trợ kê khai thuế của Tổng Cục Thuế
- Có thể kết xuất số liệu trên các báo cáo thuế GTGT, thuế TNDN ra tệp và chuyển lên sang phần mềm hỗ trợ kê khai thuế của Tổng Cục thuế.

## Báo cáo thuế

- Lên đầy đủ các báo cáo thuế GTGT và thuế TNDN theo quy định
- Chương trình luôn được cập nhật các thông tư mới nhất do Bộ Tài chính ban hành.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/GTGT  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính)

**TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
(Dành cho người nộp thuế khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ)  
[01] Kỳ tính thuế Quý I năm 2019  
[02] Lần đầu [X] [03] Báo sung lần thứ [ ]

[04] Tên người nộp thuế: Phiên bản FA 11\_R08  
[05] Mã số thuế: 0 1 0 0 7 2 7 8 2 5  
[06] Địa chỉ: Phố Quang  
[07] Quận/Huyện: Quận Cầu Giấy [08] Tỉnh/Thành phố: TP Hà Nội  
[09] Điện thoại: (04) 3771.5590 [10] Fax: (04) 3771.5591 [11] Email: info@fast.com.vn  
[12] Tên đại lý thuế (nếu có):  
[13] Mã số thuế:  
[14] Địa chỉ:  
[15] Quận/Huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:  
[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:  
[20] Hợp đồng đại lý thuế Số: Ngày:

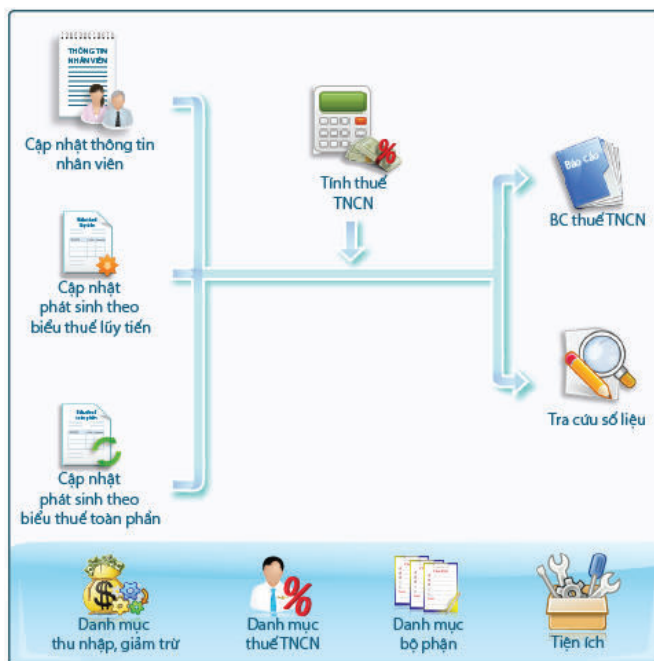
Đơn vị tiền đồng Việt Nam

| STT | CHỈ TIÊU                                                                                                                                         | GIÁ TRỊ HHĐV (CHƯA CÓ THUẾ GTGT) | THUẾ GTGT        |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------------|
| A   | Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")                                                                                       | [21]                             |                  |
| B   | Thuế GTGT còn được kỳ trước chuyển sang                                                                                                          |                                  | [22]             |
| C   | Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước                                                                                                    |                                  |                  |
| I   | Hàng hóa, dịch vụ (HHĐV) mua vào trong kỳ                                                                                                        |                                  |                  |
| 1   | Giá trị và thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào                                                                                               | [23] 1.709.500.000               | [24] 170.107.500 |
| 2   | Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này                                                                                                           | [25]                             | [26] 170.107.500 |
| II  | Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ                                                                                                                |                                  |                  |
| 1   | Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT                                                                                                    | [27]                             | [28]             |
| 2   | Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ((27)-[29]+[30]+[32a]; [28]-[31]+[33])                                                                   | [27] 1.752.850.000               | [28] 175.285.000 |
| a   | Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%                                                                                                       | [29]                             |                  |
| b   | Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%                                                                                                       | [30]                             | [31] 175.285.000 |
| c   | Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%                                                                                                      | [32]                             | [33] 175.285.000 |
| d   | Hàng hóa, dịch vụ bán ra không tính thuế                                                                                                         | [32a]                            |                  |
| 3   | Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHĐV bán ra ((34)-[25]+[27]; [35]-[26])                                                                          | [34] 1.752.850.000               | [35] 175.285.000 |
| III | Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36]-[35]-[26])                                                                                                    |                                  | [36] 5.177.500   |
| IV  | Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước                                                                               |                                  |                  |
| 1   | Điều chỉnh giảm                                                                                                                                  |                                  | [37]             |
| 2   | Điều chỉnh tăng                                                                                                                                  |                                  | [38]             |
| V   | Thuế GTGT đã nộp ở địa phương khác của hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng, bất động sản ngoài tỉnh                                 |                                  | [39]             |
| VI  | Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ: Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ ((40a)-[36]-[22]-[37]-[38]-[39]; 0) |                                  | [40a] 5.177.500  |
| 1   | Thuế GTGT mua vào của đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế                          |                                  | [40b]            |
| 2   | Thuế GTGT mua vào của đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế                          |                                  | [40c]            |
| 3   | Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ ((40)-[40a]-[40b]-[40c])                                                                                         |                                  | [40] 5.177.500   |
| 4   | Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này (nếu [41]-[35]-[22]-[37]-[38]-[39]; 0)                                                                        |                                  | [41]             |

# QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Phân hệ quản lý thuế TNCN cho phép khai báo, cập nhật các số liệu hàng tháng, tính toán thuế TNCN của các nhân viên trong công ty và lên các báo cáo theo luật định.

## Menu các chức năng



## Các chức năng chính

- Khai báo thông tin nhân viên
- Cập nhật phát sinh theo biểu thuế lũy tiến
- Cập nhật phát sinh theo biểu thuế toàn phần
- Cập nhật điều chỉnh thuế khấu trừ
- Tính thuế TNCN
- Quyết toán thuế TNCN.

## Các báo cáo

- Chương trình lên các báo cáo theo đúng quy định của Bộ tài chính và Tổng cục thuế.

- Phiên bản đầu tiên phát triển từ năm 1997.
- Hiện có trên 18.500 khách hàng.
- Làm việc qua internet với tốc độ cực nhanh.
- FAST thực hiện chỉnh sửa theo yêu cầu đặc thù của khách hàng.



## CÔNG TY CP PHẦN MỀM QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (FAST)

Hà Nội - Đà Nẵng - TP Hồ Chí Minh

Email: [info@fast.com.vn](mailto:info@fast.com.vn) | Website: [www.fast.com.vn](http://www.fast.com.vn)